|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỤC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |

**Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị trực thuộc Bộ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo thông tư**

| **STT** | **Điều** | **ĐƠN VỊ GÓP Ý** | **NỘI DUNG DỰ THẢO/Ý KIẾN GÓP Ý** | **TIẾP THU, GIẢI TRÌNH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 |  | Bộ Nội vụ | Thống nhất nội dung dự thảo |  |
| 2 |  | Bộ Tài chính | Căn cứ khoản 22 Điều 1 Nghị định 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 41 Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch: "Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cập nhật thông tin và cơ sở dữ liệu về hồ sơ quy hoạch thuộc phạm vi quản lý hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch trên môi trường mạng trong thời hạn 10 ngày kể từ khi hồ sơ quy hoạch được hoàn thiện theo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch". Vì vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu tham khảo Thông tư 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đối với Cơ sở dữ liệu quy hoạch về tài nguyên nước đảm bảo (i) tạo sự thống nhất về hệ tọa độ, định dạng (được đóng gói thành 01 gói Geodatabase (\*.gdb)); (ii) cập nhật đồng bộ với Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch ngay sau khi quy hoạch được hoàn thiện theo văn bản phê duyệt; (iii) thống nhất cơ chế khai thác sử dụng dữ liệu, tránh trùng lặp, bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ công khai, giám sát quy hoạch. | Giải trình:Sản phẩm của đồ án quy hoạch đều thống nhất về định dạng sản phẩm.Tuy nhiên, trong dự thảo này quy định các lớp thông tin được số hóa cụ thể để phục vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước |
| Trong quá trình triển khai, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư đảm bảo tuân thủ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Dữ liệu, Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử, các luật chuyên ngành khác và các văn bản hướng dẫn luật có liên quan | Tiếp thu ý kiến góp ý, trong quá trình xây dựng dự thảo Thông tư, đơn vị soạn thảo cũng nghiên cứu, tuân thủ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Dữ liệu, Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử, các luật chuyên ngành khác và các văn bản hướng dẫn luật có liên quan |
| 3 | khoản 2 Điều 6 | Sở NN&MT Thành phố Hải Phòng | Đề nghị bổ sung: Dữ liệu về hiện trạng xả nước thải và sức chịu tải, khả năng tiếp nhận nước thải các lưu vực sông | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật bổ sung vào Phụ lục 2 của dự thảo |
| 4 | khoản 3 Điều 2 | Đề nghị bổ sung: Hành lang bảo vệ nguồn nước đối với từng đoạn sông | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật bổ sung vào Phụ lục 2 của dự thảo |
| 5 | điểm đ khoản 3 Điều 2 | Đề nghị bổ sung tầng chứa nước có thể khai thác | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật bổ sung vào Phụ lục 2 của dự thảo |
| 6 | khoản 5 Điều 2 | Đề nghị bổ sung: Hành lang bảo vệ nguồn nước đối với từng đoạn sông | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật bổ sung vào Phụ lục 2 của dự thảo |
| 7 | khoản 3 Điều 8 | Đề nghị bổ sung: Tổng lượng nước trên các lưu vực sông | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật bổ sung vào Phụ lục 2 của dự thảo |
| 8 | điểm a khoản 2 Điều 9 | Sở NN&MT tỉnh Hà Tĩnh | Đề nghị chỉnh sửa “a) Bản kê khai khai thác nước dưới đất;” thành “Tờ kê khai khai thác nước dưới đất” để thống nhất thông tin phù hợp với Mẫu 12 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/204 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 7 |   | UBND Tỉnh Đắk Nông | Thống nhất nội dung dự thảo |   |
| 8 |   | UBND Tỉnh Tiền Giang | Thống nhất nội dung dự thảo |   |
| 9 |   | Sở NN&MT tỉnh Nam Định | Nhất trí với nội dung dự thảo |   |
| 10 |   | Sở NN&MT tỉnh Thái Bình | Thống nhất nội dung dự thảo |   |
| 11 |   | Sở NN&MT tỉnh Vĩnh Phúc | Nhất trí với nội dung dự thảo |   |
| 12 |   | Sở NN&MT tỉnh Bạc Liêu | Thống nhất nội dung dự thảo |   |
| 13 |   | Sở NN&MT tỉnh Trà Vinh | Thống nhất nội dung dự thảo |   |
| 14 |   | UBND tỉnh Thanh Hóa | Cơ bản thống nhất với bố cục, nội dung của dự thảo Thông tư quy định kỹ thuật về cấu trúc, chuẩn dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước do Bộ Nông nghiệp và Môi trường soạn thảo |   |
| 15 | Điều 15 | UBND tỉnh Thanh Hóa | Đề nghị bổ sung nội dung yêu cầu việc cập nhật thông tin, dữ liệu vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia “Phải được thực hiện thường xuyên và kịp thời, đảm bảo tính pháp lý, chính xác” theo quy định tại Điều 79 Nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước | Phạm vi điều chỉnh của Thông tư chỉ quy định kỹ thuật về cấu trúc, chuẩn dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước. Đối với các yêu cầu về quản lý như việc cập nhật thông tin, dữ liệu vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia đã được quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP |
| 16 |   | Sở NN & MT tỉnh Hưng Yên | Nhất trí với nội dung dự thảo |   |
| 17 | khoản 1 Điều 4 | UBND tỉnh Bến Tre | đề xuất cơ quan soạn thảo xem xét quy định thống nhất các cơ sở dữ liệu thành phần theo quy định của các nhóm thông tin, dữ liệu được quy định tại Khoản 3 Điều 76 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ | Giải trình: Theo quy định tại khoản 3 Điều 76 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định các nhóm thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước, do vậy, để thuận lợi cho việc tổ chức, quản lý, sử dụng dữ liệu, dự thảo thông tư đã tổ chức thành các cơ sở dữ liệu thành phần như tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Thông tư.  |
| 18 | Điều 5 đến Điều 9 | Đề xuất cơ quan soạn thảo xem xét quy định thống nhất theo quy định của các nhóm thông tin, dữ liệu được quy định từ Khoản 1 đến Khoản 8 Điều 77 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ | Giải trình: Dự thảo đã rà soát, đảm bảo các nhóm thông tin, dữ liệu được quy định từ Khoản 1 đến Khoản 8 Điều 77 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ đã được quy định trong các cơ sở dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 4 Dự thảo Thông tư |
| 19 |   | Sở NN&MT tỉnh Thái Nguyên | Thống nhất nội dung dự thảo |   |
| 20 |   | Sở NN&MT tỉnh Nghệ An | Thống nhất nội dung dự thảo |   |
| 21 |   | Sở NN&MT tỉnh Hòa Bình | Thống nhất nội dung dự thảo |   |
| 22 | khoản 1 Điều 9 | Sở NN&MT tỉnh Lạng Sơn | Cơ sở dữ liệu về giám sát tài nguyên nước gồm: thông tin, số liệu kê khai, đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất và xả nước thải vào nguồn nước; thông tin, dữ liệu quan trắc về khai thác nước tại công trình phục vụ giám sát khai thác tài nguyên nước; báo cáo định kỳ về hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, kết quả thanh tra, kiểm tra của các tổ chức, cá nhân được cấp phép hoặc đăng ký, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm thông tin số liệu về cấp phép thăm dò nước dưới đất | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã bổ sung chỉnh sửa trong dự thảo |
| 23 | khoản 2 Điều 9 | Thông tin, số liệu kê khai, đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dướiđất và xả nước thải vào nguồn nước, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu rà soát, bổ sung về Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất; Quyết định chấp thuận đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất. Lý do: Dự thảo quy định về Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại, đình chỉ hiệu lực, giấy phép, thu hồi giấy phép tài nguyên nước (gồm nước dưới đất/nước mặt/nước biển), chưa quy định về hành nghề khoan nước dưới đất | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã bổ sung chỉnh sửa trong dự thảo "Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất" |
| 24 | Mục 2 Phụ lục 3 | Hội Thủy lợi Việt Nam | Liệt kê nhiều định dạng chuẩn cho cùng một loại dữ liệu, ví dụ dữ liệu không gian có thể là Shapefile, GML, GeoJSON, KML/KMZ, GPKG. Việc này tạo ra sự linh hoạt nhưng có thể gây khó khăn cho việc đảm bảo tính tương thích tuyệt đối khi trao đổi dữ liệu | Tiếp thu một phần ý kiến. Để bảo đảm tính tương thích và khả năng tích hợp trong trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống, dự thảo Thông tư đã quy định tại khoản 7 Điều 12 việc ưu tiên sử dụng 01 đến 02 định dạng chuẩn chính thức đối với mỗi loại dữ liệu (ví dụ: GeoJSON, GML đối với dữ liệu không gian). Các định dạng khác có thể được sử dụng để phục vụ mục đích chuyển đổi hoặc tương thích với hệ thống cũ, nhưng không bắt buộc áp dụng nhằm tránh phân mảnh chuẩn và bảo đảm thống nhất trong triển khai thực tế |
| 25 | Nên cân nhắc quy định một chuẩn chính và các chuẩn khác được chấp nhận cho mục đích chuyển đổi hoặc hỗ trợ các hệ thống cũ | Tiếp thu ý kiến. Dự thảo Thông tư đã quy định theo hướng chỉ định rõ định dạng chuẩn chính thức áp dụng đối với từng loại dữ liệu (ví dụ: JSON hoặc XML đối với dữ liệu thuộc tính; GeoJSON hoặc GML đối với dữ liệu không gian) tại khoản 7 Điều 12. Các định dạng khác được chấp nhận có thể được sử dụng trong các trường hợp chuyển đổi định dạng, hỗ trợ hệ thống kế thừa hoặc phục vụ nhu cầu đặc thù, nhưng không phải là định dạng chuẩn bắt buộc. Quy định này nhằm bảo đảm tính thống nhất trong chia sẻ dữ liệu, đồng thời vẫn tạo dư địa linh hoạt trong triển khai thực tế |
| 26 | Dự thảo đã tham chiếu đến các tiêu chuẩn ISO và một số chuẩn quốc tế khác. Nhưng để tăng cường tính pháp lý và đồng bộ trong nước, nên rà soát và bổ sung tham chiếu đến các Tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN) liên quan đến thông tin địa lý, siêu dữ liệu, và các thuật ngữ kỹ thuật đã được định nghĩa | Tiếp thu ý kiến. Tuy nhiên, để bảo đảm tính ổn định, linh hoạt và không trùng lặp với các quy định chuyên ngành, Dự thảo Thông tư không quy định cụ thể danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật (bao gồm cả TCVN và ISO) (Đã bỏ phụ lục 03) |
| 27 | Cần rà soát tổng thể tất cả các bảng danh mục để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và không có lỗi chính tả | Tiếp thu ý kiến góp ý, rà soát, chỉnh sửa vào dự thảo |
| 28 | Mặc dù đem lại lợi ích lâu dài là rõ ràng, việc xây dựng, nâng cấp hệ thống theo chuẩn mới sẽ đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu và nguồn nhân lực có chuyên môn. Nên có một đánh giá hoặc kiến nghị về việc bố trí nguồn lực, kinh phí và tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn để hỗ trợ các địa phương và đơn vị trong quá trình triển khai, đặc biệt không gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân và các doanh nghiệp | Giải trình: Dự thảo thông tư được xây dựng dựa trên định hướng vẫn tiếp tục sử dụng các hạ tầng cũ. Do vậy, tại dự thảo đã quy định điều khoản chuyển tiếp đối với các công trình đã đầu tư hệ thống cũ |
| 29 |   | Hội nước sạch Việt Nam | Trong quá trình hoàn thiện cần rà soát lại câu từ và lỗi văn bản Dự thảo trước khi trình | Tiếp thu ý kiến góp ý, rà soát, chỉnh sửa vào dự thảo |
| 30 |   | Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Đề nghị làm rõ mối liên hệ giữa dữ liệu do các đơn vị như EVN đang vận hành với các dữ liệu cần số hóa theo Dự thảo | Dự thảo Thông tư quy định các trường hợp công trình khai thác tài nguyên nước đã thực hiện việc cập nhật, kết nối, truyền số liệu vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện |
| 31 |   | Đề xuất xây dựng hướng dẫn cụ thể về phương pháp tích hợp dữ liệu từ các công trình hồ chứa thủy điện vào hệ thống dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, bao gồm cả định dạng, tần suất cập nhật, trách nhiệm quản lý dữ liệu | Hiện nay, việc giám sát khai thác nước của các hồ chứa thủy điện được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP. Hiện nay có bao nhiêu công trình đang truyền về hệ thống giám sát thì vẫn thực hiện như bình thường, khi thông tư này ra đời, chỉ khuyến khích các tổ chức cá nhân nâng cấp để truyền dữ liệu theo phương thức Web Service về hệ thống giám sát  |
| 32 | Điều 8 | Hiện nay EVN đã triển khai hệ thống đo mực nước, lưu lượng đến và đi, chất lượng nước tại các hồ chứa. Cần có quy định rõ về cơ chế kết nối dữ liệu quan trắc tự động từ hệ thống của EVN vào hệ thống quốc gia (ưu tiên kết nối trực tiếp qua API hoặc Web Service, hạn chế việc sao chép thủ công) | Dự thảo thông tư chỉ quy định chuẩn dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước, trong đó có chuẩn dữ liệu về giám sát tài nguyên nước. Việc giám sát khai thác tài nguyên nước được thực hiện đối với các công trình khai thác nước mặt, nước dưới đất, nước biển thuộc trường hợp phải đăng ký, phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước và tuân thủ các quy định của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP. Do vậy, dự thảo không quy định cơ chế kết nối dữ liệu quan trắc tự động từ hệ thống của EVN vào hệ thống quốc gia |
| 33 | Điều 9 | Cần làm rõ yêu cầu về truyền dữ liệu giám sát khai thác đối với các công trình đã có hệ thống giám sát tự động đang vận hành, như tại EVN | Giải trình: Việc thực hiện giám sát khai thác nước đối với các công trình đã có hệ thống giám sát tự động phải được kết nối và truyền trực tiếp vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, không qua hệ thống trung gian (như quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 86 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP). Do vậy, dự thảo Thông tư chỉ quy định chuẩn dữ liệu về giám sát tài nguyên nước |
| 34 |   | Đề nghị bổ sung quy định về việc không yêu cầu truyền dữ liệu qua bên trung gian mà cho phép kết nối trực tiếp đến hệ thống giám sát quốc gia | Giải trình: Việc quy định không yêu cầu truyền dữ liệu qua bên trung gian mà cho phép kết nối trực tiếp đến hệ thống giám sát quốc gia đã được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 86 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.  |
| 35 | Điều 10 | Cần thống nhất các định dạng dữ liệu cho phù hợp với hệ thống hiện hành tại EVN (hiện sử dụng phổ biến định dạng XML, JSON, CSV) | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã rà soát, cập nhật, chỉnh sửa tại Điều 10 dự thảo Thông tư |
| 36 |   |  Đề nghị ban hành phụ lục kỹ thuật hướng dẫn chi tiết định dạng dữ liệu cho từng loại thông tin (mực nước, lưu lượng, chất lượng nước, v.v.) | Giải trình: Hướng dẫn chi tiết định dạng dữ liệu cho từng loại thông tin đã được quy định tại Phụ lục 2 của dự thảo Thông tư |
| 37 | Điều 15&16 | Đề nghị có quy định chuyển tiếp cụ thể đối với các công trình thủy điện đã có hệ thống dữ liệu và đang cập nhật định kỳ cho cơ quan quản lý | Giải trình: dự thảo Thông tư đã có quy định điều khoản chuyển tiếp tại Điều 16 |
| 38 |   | Kiến nghị không áp dụng lại toàn bộ chuẩn mới nếu không ảnh hưởng đến chất lượng dữ liệu đã cập nhật | Giải trình: dự thảo Thông tư đã có quy định điều khoản chuyển tiếp tại Điều 16 |
| 39 |   | Đề xuất chung: Tổ chức các buổi hội thảo kỹ thuật để lấy ý kiến chuyên gia từ các đơn vị quản lý vận hành hồ chứa (như EVN), làm rõ các yêu cầu kỹ thuật và lộ trình áp dụng; cần có bộ tiêu chuẩn và quy trình kỹ thuật riêng cho nhóm đối tượng là hồ chứa thủy điện để đảm bảo tính đặc thù, độ tin cậy và hiệu quả trong cập nhật – khai thác dữ liệu | Tiếp thu, cập nhật, làm rõ trong dự thảo tờ trình với quan điểm xây dựng Thông tư theo hướng kế thừa các quy định cũ, làm rõ  |
| 40 | Góp ý chung | Cục Thủy sản và Kiểm ngư | Tại Dự thảo Thông tư đề nghị xem xét, bổ sung sơ đồ kiến trúc dữ liệu và luồng trao đổi dữ liệu giữa: Trung ương – địa phương – …. – người dùng cuối để minh họa rõ quy trình, phân quyền và điểm tích hợp dữ liệu; quy định cụ thể về các mức độ truy cập dữ liệu công khai – hạn chế – bảo mật. | Giải trình: Việc quy định trách nhiệm xây dựng, quản lý, duy trì, vận hành Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia đã được quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP (Điều 84). Do vậy, dự thảo không phân cấp vai trò cập nhật dữ liệu giữa Trung ương và địa phương mà chỉ quy định kỹ thuật của việc thực hiện cập nhập như Điều 15 của dự thảo |
| 41 | khoản 4 Điều 3 | “Giải thích từ ngữ” Rà soát ngắn gọn, xem xét chia các nhóm nhỏ để dễ hiểu hơn | Giải trình: Việc quy định giải thích từ ngữ nhằm làm rõ các thuật ngữ chuyên môn, sao cho dễ hiểu nhất. |
| 42 | từ Điều 4 đến Điều 9 | Đã mô tả các cơ sở dữ liệu thành phần chi tiết nhưng chưa làm rõ trường thông tin bắt buộc và tùy chọn, cần phân loại rõ nhóm thông tin “bắt buộc” để phục vụ kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu | Tiếp thu ý kiến góp ý, các trường thông tin trong dự thảo quy định là bắt buộc phải có. Trường hợp thông tin không bắt buộc được quy định tại từng bảng phụ lục |
| 43 | Điều 15 | Việc cập nhật dữ liệu đã quy định rất chặt chẽ, tuy nhiên tại Dự thảo nên phân cấp vai trò cập nhật dữ liệu giữa Trung ương, địa phương… | Việc quy định trách nhiệm xây dựng, quản lý, duy trì, vận hành Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia đã được quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP (Điều 84). Do vậy, dự thảo không phân cấp vai trò cập nhật dữ liệu giữa Trung ương và địa phương mà chỉ quy định kỹ thuật của việc thực hiện cập nhập như Điều 15 của dự thảo |
| 44 | Phụ lục II, Mục 4/I "Chất lượng nước" | Đề nghị xem xét bổ sung cột các QCVN/TCVN áp dụng cho từng mục đích sử dụng nước trong đó có nuôi trồng thuỷ sản để làm căn cứ tham chiếu, đánh giá các thông số môi trường phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý và phát triển nuôi trồng thủy sản | Giải trình: Trong phụ lục 2 của Thông tư có quy định các thông số phân tích chất lượng nước. Việc so sánh với các mục đích sử dụng nước trong đó có nuôi trồng thủy sản thì căn cứ vào mục đích của chương trình, dự án thực hiện. Dự thảo thông tư chỉ quy định về cấu trúc, chuẩn dữ liệu chung.  |
| 45 | Mục 2.2/II Danh mục nguồn nước thuộc các hồ, ao, đầm, phá | “Tên lớp dữ liệu: HoAoDamPha” đề nghị bổ sung trường thông tin liên quan đến nuôi trồng thuỷ sản (nếu là mô hình nuôi ao, hồ, đầm, phá): Diện tích: Km2 hoặc Hecta (ha); Thể tích: M3; Loại hình: thâm canh, bán thâm canh, lồng bè. Đây là dữ liệu quan trọng để liên kết giữa cơ sở dữ liệu tài nguyên nước và dữ liệu về ngành thủy sản | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã bổ sung trường thông tin "loại hình, chức năng" của tên lớp dữ liệu HoAoDamPha tại Phụ lục 2 dự thảo Thông tư |
| 47 |   | Đề nghị xem xét, quy định rõ trong Dự thảo Thông tư cơ chế kiểm định, đánh giá, xác nhận chất lượng dữ liệu trước khi tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia | Tiếp thu ý kiến góp ý, bổ sung nội dung "kiểm tra chất lượng dữ liệu" tại điểm a khoản 1 Điều 15 của dự thảo Thông tư  |
| 48 | Tờ trình: Về sự cần thiết ban hành Thông tư | Nhấn mạnh lợi ích từ việc chuẩn hóa: Tờ trình có thể trình bày rõ hơn về các lợi ích cụ thể mà việc ban hành Thông tư sẽ mang lại, không chỉ về mặt quản lý nhà nước mà còn cho các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, và cộng đồng nghiên cứu |  Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật Tờ trình |
| 49 | Tờ trình: Về phần "Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư" (Mục III) | Nên tóm tắt một cách cô đọng và có hệ thống các điểm chính, điểm mới của Thông tư, đặc biệt là những quy định cốt lõi về cấu trúc, chuẩn dữ liệu, các yêu cầu kỹ thuật |  Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật Tờ trình |
| 50 | Có thể nêu bật một số điểm khác biệt hoặc cải tiến so với các quy định hiện hành (nếu có) để thấy rõ hơn giá trị của Thông tư mới |  Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật Tờ trình |
| 51 | Về "Đánh giá tác động của chính sách" (Mục IV) | Phần này cần phân tích rõ hơn tác động đến các nhóm đối tượng cụ thể (cơ quan quản lý, doanh nghiệp, người dân) |  Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật Báo cáo tác động của chính sách |
| 52 | Tác động về thủ tục hành chính: Đánh giá xem việc ban hành Thông tư có làm phát sinh thủ tục hành chính mới, thay đổi hay bãi bỏ thủ tục nào không. Nếu có, cần phân tích rõ tác động đó là tăng hay giảm gánh nặng cho đối tượng |  Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật Báo cáo tác động của chính sách |
| 53 | Tác động đến chi phí: Mặc dù Thông tư quy định về chuẩn kỹ thuật, nhưng việc triển khai theo chuẩn có thể phát sinh chi phí cho các đơn vị. Tờ trình nên có đánh giá sơ bộ về các chi phí này (ví dụ: chi phí nâng cấp hệ thống, đào tạo nhân lực) và các biện pháp hỗ trợ (nếu có) | Giải trình: dự thảo Thông tư chỉ quy định kỹ thuật về cấu trúc, chuẩn dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước, đối với các chi phí liên quan thì sẽ được cân đối bởi nguồn thu khác, không quy định trong dự thảo  |
| 54 | Về "Những vấn đề xin ý kiến" (Mục VII) | Hiện tại mục này đang bỏ trống. Nếu có bất kỳ điểm nào trong dự thảo Thông tư mà Cục Quản lý tài nguyên nước còn băn khoăn, cần xin ý kiến chỉ đạo từ Bộ, thì nên nêu rõ tại mục này để nhận được sự chỉ đạo kịp thời |  Giải trình: Hiện nay, dự thảo Thông tư chưa có ý kiến cần xin ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng, do vậy nội dung này đang bỏ trống. Trong quá trình nghiên cứu, nếu có ý kiến cần xin ý kiến, đơn vị soạn thảo sẽ bổ sung đầy đủ. |
| 55 | Điều 6 và Điều 7 | Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi | Dự thảo Thông tư có đề cập đến “đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ nước, phát triển nguồn nước” tại Điều 6 và “công trình khai thác, sử dụng nước…” tại Điều 7, như là cấu trúc dữ liệu quốc gia tài nguyên nước. Hiện nay, công trình thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi do Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi quản lý đã và đang xây dựng mã định danh điện tử trước hết là cho hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm, cống. Do đó, đề nghị quy định việc kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu về công trình thủy lợi để đồng bộ với cơ sở dữ liệu tài nguyên nước | Tiếp thu: Bổ sung trường thông tin quy định mã định danh điện tử đối với công trình thủy lợi tại Phụ lục 2 của dự thảo Thông tư |
| 56 |   | Đề nghị xem xét bổ sung quy định về mã định danh dữ liệu cho từng đối tượng về tài nguyên nước quốc gia để bảo đảm tính liên thông, truy xuất dữ liệu | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã bổ sung tại Phụ lục 2 của dự thảo Thông tư |
| 57 |   | Đề nghị làm rõ trách nhiệm, quy trình cập nhật, yêu cầu về kiểm soát chất lượng dữ liệu trước khi cập nhật và chia sẻ dữ liệu để bảo đảm khai thác dữ liệu được thuận tiện | Tiếp thu ý kiến góp ý, bổ sung nội dung "kiểm tra chất lượng dữ liệu" tại điểm a khoản 1 Điều 15 của dự thảo Thông tư  |
| 58 | khoản 4 Điều 14 | Cục Quản lý đê điều và PCTT | Đề nghị nghiên cứu bổ sung chức năng kết nối, chia sẻ dữ liệu tài nguyên nước với cơ sở dữ liệu phòng, chống thiên tai | Giải trình: Dự thảo Thông tư đã quy định Yêu cầu đối với phần mềm của Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, trong đó phải đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với các hệ thống khác qua dịch vụ dữ liệu (webservice). Đáp ứng yêu cầu về tính sẵn sàng với giao thức liên mạng trên Internet. |
| 59 | Điều 15 | Dự thảo Thông tư mới chỉ quy định nguyên tắc sử dụng cơ chế cập nhật, phân quyền cập nhật, cơ chế phục hồi, sao lưu và khôi phục,… chưa quy định trách nhiệm cập nhật; do vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về trách nhiệm cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của các cơ quan, đơn vị có liên quan | Giải trình: Việc quy định trách nhiệm xây dựng, quản lý, duy trì, vận hành Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia đã được quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP (Điều 84). Do vậy, dự thảo không phân cấp vai trò cập nhật dữ liệu giữa Trung ương và địa phương mà chỉ quy định kỹ thuật của việc thực hiện cập nhập như Điều 15 của dự thảo |
| 60 | Phụ lục 2 | Rà soát, cập nhật lại tên (mã) các tỉnh tại trang 43, 44 Phụ lục 2 để phù hợp với địa giới hành chính hiện hành | Tiếp thu ý kiến góp ý, cập nhật lại mã các tỉnh theo quy định mới tại phụ lục 2 của dự thảo Thông tư |
| 61 | Điều 3 | Viện Chiến lược, chính sách nông nghiệp và môi trường | Nên bổ sung thêm giải thích cụ thể về:- "Hệ thống thông tin tài nguyên nước quốc gia" - không chỉ là dữ liệu mà bao gồm hệ sinh thái phần mềm, mạng lưới chia sẻ, truy cập;- "Giao thức Web Service" - cần được giải thích kỹ vì là công cụ kỹ thuật quan trọng trong cập nhật và giám sát. Đây cũng là thuật ngữ được đề cập nhiều lần trong Thông tư | Giải trình: Theo quy định tại khoản 2 điều 76 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP đã quy định các thành phần cơ bản của Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia |
| 62 | Chương 2 | Cân nhắc bổ sung nội dung về dữ liệu liên quan biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng, xâm nhập mặn | Giải trình: Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước đã được quy định tại Điều 77 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP |
| 63 | Chương 3 | Quy định công nghệ phù hợp và hiện đại (hỗ trợ IPv6, Web-based, JSON/XML), nhưng nên yêu cầu thêm khả năng mở rộng (scalability) và đa nền tảng (cross-platform) | Tiếp thu một phần ý kiến, đã cập nhật vào dự thảo Thông tư |
| 64 | Chương 3 | Đề xuất bổ sung yêu cầu: Phần mềm phải có cơ chế truy cập ngoại tuyến tạm thời (offline mode) cho các đơn vị vùng sâu, vùng xa khi không có kết nối internet ổn định | Tiếp thu một phần ý kiến. Dự thảo Thông tư xác định nguyên tắc phát triển phần mềm là phải đáp ứng yêu cầu triển khai rộng rãi, phù hợp với điều kiện thực tế tại các địa phương. Tuy nhiên, cơ chế truy cập ngoại tuyến (offline mode) phụ thuộc vào loại hình phần mềm, mức độ tương tác dữ liệu và kiến trúc hệ thống, do đó không đưa quy định cứng trong Thông tư.Nội dung này sẽ được xem xét, hướng dẫn cụ thể trong hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc tài liệu hướng dẫn triển khai, nhằm bảo đảm khả năng ứng dụng tại các khu vực có hạ tầng mạng hạn chế, đồng thời không ảnh hưởng đến tính toàn vẹn và đồng bộ dữ liệu khi kết nối lại hệ thống. |
| 65 | Chương 3 | Nên có thêm tính năng báo cáo phân tích dựa trên dữ liệu lịch sử (trend analysis) - ví dụ theo dõi biến động mực nước trong 10 năm | Tiếp thu một phần. Ý kiến về việc bổ sung tính năng phân tích dữ liệu lịch sử (trend analysis), ví dụ theo dõi biến động mực nước 10 năm, đã được phản ánh tại Điều 14 khoản 2 điểm c của dự thảo Thông tư:“Tổng hợp, thống kê, phân tích, dự báo và trực quan hóa dữ liệu phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.” |
| 66 | Chương 3 | Đề nghị bổ sung ứng dụng AI/ML trong khai thác dữ liệu lớn từ hệ thống (dự báo hạn hán, suy giảm tầng chứa nước...) | Tiếp thu một phần. Ý kiến về việc bổ sung ứng dụng AI/ML trong khai thác dữ liệu lớn, phục vụ dự báo hạn hán, suy giảm tầng chứa nước,… đã được phản ánh tại Điều 14 khoản 2 điểm c của dự thảo Thông tư:“Tổng hợp, thống kê, phân tích, dự báo và trực quan hóa dữ liệu phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.”Việc ứng dụng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (ML) sẽ được nghiên cứu và hướng dẫn cụ thể trong quá trình xây dựng phần mềm, phù hợp với năng lực hệ thống và lộ trình phát triển công nghệ. |
| 67 | Điều 16 | Nên quy định rõ mốc thời gian cụ thể kể từ khi Thông tư có hiệu lực phải hoàn tất việc chuyển đổi cấu trúc dữ liệu | Giải trình: việc chuyển đổi cấu trúc dữ liệu phụ thuộc vào hạ tầng kỹ thuật, ….. nên không quy định mốc thời gian cụ thể tại thông tư này |
| 68 | Điều 4 | Cục Viễn thám quốc gia | Đề xuất bổ sung thêm phần kiểm chứng Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước (đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý…) |  Giải trình: việc quy định tại dự thảo là quy định kỹ thuật của của cấu trúc, chuẩn dữ liệu. Do vậy, đối với việc kiểm tra, đánh giá, tổ chức quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên nước cũng phải thực hiện đồng bộ theo các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia khác. Do vậy, dự thảo không quy định phần kiểm chứng. |
| 69 | Điều 10 | Đề xuất bổ sung thêm: “Tất cả dữ liệu không gian tài nguyên nước khi trao đổi, chia sẻ phải thống nhất sử dụng hệ quy chiếu, hệ tọa độ theo quy định hiện hành trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý”. | Giải trình: Dữ liệu không gian về tài nguyên nước sử dụng các hệ quy chiếu, hệ tọa độ theo quy định hiện hành trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý đã được quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Thông tư này. |
| 70 | Điều 15 | Đề xuất bổ sung thêm thời gian cập nhật Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia định kỳ và cập nhật đột xuất khi xảy ra các thiên tai, sự cố môi trường nước | Giải trình: theo quy định tại khoản 2 Điều 79 đã quy định việc cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia phải được thực hiện thường xuyên, kịp thời, đảm bảo tính pháp lý, chính xác. Do vậy, dự thảo thông tư không quy định thêm thời gian cập nhật cơ sở dữ liệu. |
| 71 |   | Cục Khí tượng Thủy văn | Cấu trúc, chuẩn dữ liệu quốc gia về dữ liệu quan trắc, điều tra, khảo sát khí tượng thủy văn đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật1. Để đảm bảo tính thống nhất, không bị chồng chéo, đề nghị không đưa nội dung quy định liên quan tới nhóm dữ liệu nêu trên vào trong dự thảo Thông tư này | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 72 | Dự thảo Tờ trình | Trung tâm Quy hoạch và Điều tra TNN quốc gia | Về quan điểm xây dựng dự thảo, cần bổ sung quan điểm bảo đảm tích hợp, chia sẻ dữ liệu liên thông theo yêu cầu nêu trong Điều 7 Luật Tài nguyên nước | Tiếp thu ý kiến góp ý, trong quá trình xây dựng dự thảo Thông tư cũng đã xem xét, bảo đảm tích hợp, chia sẻ dữ liệu liên thông theo yêu cầu nêu trong Điều 7 Luật Tài nguyên nước và đã cập nhật vào Tờ trình dự thảo Thông tư |
| 73 | Về đối tượng áp dụng, để thống nhất với Khoản 5, Điều 7 Luật tài nguyên nước, dự thảo chỉ nên quy định áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì và cập nhật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; không đưa vào đối tượng khai thác dữ liệu như trong dự thảo | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 74 | Về các cơ sở dữ liệu thành phần trong cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, dự thảo Thông tư cần thống nhất tuân thủ quy định về sắp xếp các nhóm thông tin, dữ liệu tại Khoản 3, Điều 76 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP và quy định cụ thể thông tin, dữ liệu trong các nhóm tại Điều 77 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, tránh gây nhầm lẫn, khó khăn trong tổ chức thu thập, cập nhật, quản lý, chia sẻ, tích hợp. Việc thể hiện tại các Phụ lục cũng cần đảm bảo tuân thủ nguyên tắc đã quy định | Giải trình: Theo quy định tại khoản 3 Điều 76 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định các nhóm thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước, do vậy, để thuận lợi cho việc tổ chức, quản lý, sử dụng dữ liệu, dự thảo thông tư đã tổ chức thành các cơ sở dữ liệu thành phần như tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Thông tư.  |
| 75 | Về mức độ chi tiết thông tin, dữ liệu, dự thảo cần thể hiện sự cân đối trong các nhóm, đặc biệt các thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản tài nguyên nước, quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh cần bổ sung khắc phục sự sơ sài trong nội dung và bổ sung trường thể hiện thời điểm đánh giá, thời kỳ dữ liệu nhằm khắc phục hạn chế trong chia sẻ, khai thác thông tin phục vụ các nhu cầu thực tế | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 76 | Về chuẩn dữ liệu không gian, dự thảo cần nêu rõ hệ quy chiếu không gian áp dụng cho dữ liệu quốc gia cũng như cho cấp vùng để tránh dẫn đến trùng lặp, nhầm lẫn số liệu | Giải trình: Dữ liệu không gian về tài nguyên nước sử dụng các hệ quy chiếu, hệ tọa độ theo quy định hiện hành trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý đã được quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Thông tư này. |
| 77 | Về Quy định việc cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, dự thảo cần nêu rõ phương thức, trách nhiệm của các bên liên quan theo các quy định pháp luật hiện hành để đảm bảo hiệu lực thực tế | Giải trình: Việc quy định trách nhiệm xây dựng, quản lý, duy trì, vận hành Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia đã được quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP (Điều 84). Do vậy, dự thảo không phân cấp vai trò cập nhật dữ liệu giữa Trung ương và địa phương mà chỉ quy định kỹ thuật của việc thực hiện cập nhập như Điều 15 của dự thảo |
| 78 | Xem xét chỉnh sửa cụm từ “Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 79 Luật Tài nguyên nước năm 2023” bằng “Căn cứ quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 79 Luật Tài nguyên nước năm 2023” và bổ sung trích dẫn căn cứ pháp lý Điều 7 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - quy định về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong phần cơ sở chính trị, pháp lý để làm rõ thêm căn cứ xây dựng Thông tư này | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật vào dự thảo Tờ trình |
| 79 | Trong phần II - Quan điểm xây dựng văn bản, nên bổ sung thêm: Bảo đảm tích hợp, chia sẻ dữ liệu liên thông theo yêu cầu nêu trong Điều 7 Luật Tài nguyên nước | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật vào dự thảo Tờ trình |
| 80 | Trong phần V - Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo thông tư cần chỉnh sửa đảm bảo thống nhất giữa dự thảo Thông tư và dự thảo Tờ trình về các Chương mục tương ứng | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật vào dự thảo Tờ trình |
| 81 | Phần VII - Những vấn đề xin ý kiến hiện đang bỏ trống, đề nghị bổ sung nội dung cụ thể | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật vào dự thảo Tờ trình |
| 82 | Điều 3 | Nên bổ sung thêm giải thích thuật ngữ “chuẩn dữ liệu”, “siêu dữ liệu” gắn với khung chuẩn (Ví dụ: ISO 19115 hoặc chuẩn quốc gia nếu có); “Cấu trúc dữ liệu” nên làm rõ các dạng tổ chức và lưu trữ cụ thể | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật dự thảo Thông tư |
| 83 | Điều 4 | Xem xét sự phù hợp, đầy đủ của “Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia” tại Khoản 1, Điều 4 dự thảo Thông tư so với các nhóm thông tin, dữ liệu đã được quy định tại Khoản 3, Điều 76 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 5 năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. Ngoài ra, bổ sung cơ sở dữ liệu về kịch bản nguồn nước trên các lưu vực sông; đề nghị quy định rõ tần suất cập nhật và xác định đơn vị chịu trách nhiệm cập nhật đối với từng loại dữ liệu  | Giải trình: Theo quy định tại khoản 3 Điều 76 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định các nhóm thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước, do vậy, để thuận lợi cho việc tổ chức, quản lý, sử dụng dữ liệu, dự thảo thông tư đã tổ chức thành các cơ sở dữ liệu thành phần như tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Thông tư. Cơ sở dữ liệu về kịch bản nguồn nước trên các lưu vực sông đã được quy định tại Phụ lục 2 dự thảo Thông tư |
| 84 | khoản 3 Điều 6 | Xem xét nội dung dữ liệu quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh để đảm bảo đồng bộ, đầy đủ thông tin, nội dung của quy hoạch theo quy định tại Điều 16 Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023 | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật vào dự thảo Thông tư |
| 85 | Điều 10 | Với dữ liệu phi cấu trúc, cần quy định định dạng nén chuẩn (ZIP, 7z, ...) nếu truyền tải tập tin lớn; có thể bổ sung khuyến nghị áp dụng OGC/INSPIRE standards nếu hướng tới tương thích quốc tế | Tiếp thu ý kiến góp ý, tại Điều 10 khoản 3 điểm b và Điều 12 khoản 7 điểm b, Thông tư đã quy định sử dụng các định dạng mở phổ biến, phù hợp tiêu chuẩn quốc tế (GML, GeoJSON, GeoTIFF...). |
| 86 | Điều 16 | Cần bổ sung quy định thời hạn tối đa để nâng cấp, tích hợp đồng bộ dữ liệu cũ và cần có cơ chế hỗ trợ kỹ thuật hoặc tài chính cho các địa phương, đặc biệt nơi chưa có hạ tầng số | Giải trình: không thuộc phạm vi quy định của dự thảo Thông tư này (vì dự thảo chỉ quy định kỹ thuật) |
| 87 | Điều 17 | Xem xét bổ sung thêm thời gian chuyển tiếp sau khi Thông tư có hiệu lực không. Ví dụ bổ sung: Các cơ sở dữ liệu hiện có phải hoàn thành chuyển đổi theo chuẩn trong Thông tư này trong vòng …. tháng kể từ ngày Thông tư có hiệu lực | Giải trình: dự thảo Thông tư đã quy định tại khoản 2 Điều 16. |
| 88 | Phụ lục II | Mục 3. Danh mục nguồn nước dưới đất: Đối với ký hiệu tầng chứa nước thể hiện chưa thống nhất chỉ số trên và dưới, n1-n2 (Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá phun trào bazan Miocen - Pliocen ). | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật vào dự thảo Thông tư |
| 89 | Mục 4: cột “ký hiệu”, xem xét rút gọn lại tên thông số | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật vào dự thảo Thông tư |
| 90 | Mục 5: cột mô tả đơn vị đo (ví dụ: m³/s, m, ha…) nhưng để tên cột là “Tên tầng chứa nước” hoàn toàn không liên quan về nội dung, xem xét đổi tên cột. Ngoài ra, cần xem xét bổ sung bảng cho các chỉ tiêu về chất lượng nước như mg/L, μg/L, meq/l, MPN/100mL… | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật vào dự thảo Thông tư |
| 91 | Mục 6: bảng về loại hình công trình cột mô tả về các loại hình công trình (Cống, Trạm bơm…) để tên cột “Giá trị” là chưa sát nghĩa nên để là “Mô tả” hoặc “Tên loại hình công trình”. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật vào dự thảo Thông tư |
| 92 | Mục 2.2: bổ sung thêm trường dữ liệu “Năm bắt đầu vận hành để quản lý các hồ thủy điện” vào Bảng danh mục nguồn nước thuộc các hồ, ao, đầm, phá. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật vào dự thảo Thông tư |
| 93 | Mục 2.3. Dữ liệu về nguồn nước là các tầng chứa nước: |   |
| 94 | Điều chỉnh kiểu dữ liệu của trường thông tin “Tên tầng chứa nước” thành “Chuỗi ký tự” | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật vào dự thảo Thông tư |
| 95 | Điều chỉnh tên các trường thông tin (gồm: Mã tầng chứa nước, Tên tầng chứa nước, Loại chứa nước) theo Mã nguồn nước dưới đất (gồm: Tầng chứa nước, Dạng tồn tại, Lưu vực sông) cho phù hợp với Phụ lục II: Danh mục nguồn nước dưới đất trên các lưu vực sông liên tỉnh, ban hành theo Quyết định số 4355/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2024 Về việc ban hành Danh mục nguồn nước dưới đất. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật vào dự thảo Thông tư |
| 96 | Bổ sung trường thông tin thành phần thạch học, mực nước tĩnh, các thông số địa chất thủy văn gồm: hệ số thấm, hệ số nhả nước, hệ số truyền mực nước, hệ số thấm xuyên,… | Giải trình: Trên cơ sở các trường thông tin dữ liệu về danh mục nguồn nước dưới đất đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt tại Quyết định số 4355/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2024 |
| 97 | Mục III. Dữ liệu về giám sát tài nguyên nước | Đối với dữ liệu tại trạm quan trắc tài nguyên nước mặt/nước dưới đất ngoài các trường thông tin “Mã Tỉnh”, “Mã xã” cần bổ sung Trường thông tin “Mã lưu vực sông” để phục vụ truy xuất dữ liệu theo Lưu vực sông và để link với dữ liệu về quy hoạch tài nguyên nước | Giải trình: Trong dự thảo đã quy định Mã nguồn nước mặt quan trắc, trong đó đã thể hiện mã lưu vực sông |
| 98 | Đối với dữ liệu tại trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất ngoài trường thông tin “Số liệu mực nước”, “Chất lượng nước” bổ sung thêm trường thông tin “Lưu lượng” (vì dùng cho các điểm lộ, mạch lộ…). | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật vào dự thảo Thông tư |
| 99 | Loại bỏ hoàn toàn các giao thức không an toàn: Cần sửa đổi dứt khoát Mục 1.8.2.a và toàn bộ các phương án FTP trong Mục 1.9. Loại bỏ hoàn toàn các phương thức truyền dữ liệu qua FTP, FTPS, và SFTP. Quy định bắt buộc chỉ sử dụng một phương thức duy nhất là Web Service (API qua giao thức HTTPS) cho tất cả các kết nối truyền dữ liệu giám sát tự động. | Không tiếp thu toàn bộ. Dự thảo Thông tư đã quy định ưu tiên sử dụng giao thức an toàn như Web Service qua HTTPS (Điều 12 khoản 7 điểm a). Tuy nhiên, việc duy trì phương án truyền dữ liệu qua SFTP/FTPS là cần thiết nhằm bảo đảm tính linh hoạt trong triển khai thực tế, đặc biệt đối với các thiết bị/ứng dụng giám sát đã triển khai trước đây hoặc trong môi trường chưa hỗ trợ tích hợp API.  |
| 100 | Sửa đổi yêu cầu an ninh cho camera: Thay đổi quy định tại Mục 1.9.2.c. Thay vì yêu cầu "mở cổng ra Internet", cần quy định các giải pháp an toàn hơn như: "Camera phải truyền luồng dữ liệu (push stream) qua giao thức an toàn (ví dụ: RTMPS, SRT) đến máy chủ tập trung của cơ quan quản lý" hoặc "Kết nối camera phải được thực hiện thông qua một kênh mã hóa an toàn như VPN". | Giải trình: Ý kiến đề xuất thay thế phương thức mở cổng RTSP bằng hình thức push stream qua giao thức bảo mật (như RTMPS, SRT) hoặc sử dụng VPN là phù hợp về mặt bảo mật. Tuy nhiên, trong thực tế triển khai hệ thống giám sát với số lượng lớn (hàng ngàn camera thuộc nhiều đơn vị khác nhau, ở nhiều vùng khác nhau), phương án này gây ra một số khó khăn đáng kể:- Yêu cầu kỹ thuật cao và cấu hình phức tạp trên từng thiết bị, đặc biệt với các camera không hỗ trợ native push stream hoặc không tương thích với chuẩn RTMPS/SRT.- Khó kiểm soát cấu hình đồng bộ trên quy mô lớn, nhất là tại các địa phương chưa có đủ năng lực hạ tầng và nhân lực kỹ thuật.- Tăng chi phí và độ phức tạp hệ thống, do cần bổ sung máy chủ trung gian (streaming server) hỗ trợ giao thức push, xác thực và phân tải.- Khó tích hợp với các hệ thống camera cũ đã được đầu tư trước đây chỉ hỗ trợ RTSP.Do đó, dự thảo Thông tư tại Điều 15 khoản 2 điểm c vẫn duy trì phương án mở cổng RTSP có kiểm soát ra Internet thông qua IP tĩnh, kết hợp giới hạn dải cổng rõ ràng (5000–5200) để đảm bảo khả năng triển khai đồng bộ trên toàn quốc, đồng thời vẫn có thể tích hợp các giải pháp bảo mật khác như whitelist IP, xác thực luồng, hoặc VPN tùy theo năng lực của đơn vị triển khai. |
| 101 | Bổ sung giải pháp cho vùng có hạ tầng mạng yếu: Cần bổ sung các quy định linh hoạt cho các trạm quan trắc đặt tại khu vực có hạ tầng mạng yếu. Các giải pháp có thể bao gồm: Cho phép truyền dữ liệu qua mạng di động (4G/5G); Quy định cơ chế lưu trữ dữ liệu tạm thời tại trạm (data logger) và truyền theo lô (batch transmission) vào những thời điểm mạng ổn định hoặc theo một lịch trình định sẵn; Đối với camera, có thể giảm yêu cầu về truyền video liên tục, thay vào đó là truyền hình ảnh tĩnh (snapshot) theo một tần suất nhất định;  | Giải trình: Nội dung được đề xuất đã được quy định một cách rõ ràng tại Phụ lục 02. Các quy định đã bao quát yêu cầu lưu trữ cục bộ và truyền dữ liệu theo lô (batch) trong trường hợp gián đoạn kết nối. Đồng thời, việc truyền qua mạng di động (3G/4G/5G) không bị giới hạn trong Thông tư và được chấp nhận nếu bảo đảm an toàn bảo mật. |
|   |   | Danh mục ký hiệu tỉnh cần chuẩn hóa lại thành 34 tỉnh, thành phố (trang 43). | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 102 | Mục V. Kiểm kê, điều tra, đánh giá tài nguyên nước | Mục 2.2. Dữ liệu điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất: - Bổ sung trường thông tin, kiểu dữ liệu kèm theo đối với các điểm điều tra, khảo sát tài nguyên nước dưới đất gồm: lỗ khoan điều tra, khảo sát nước dưới đất, Giếng khoan, giếng đào khai thác nước dưới đất, Nguồn lộ, hang động karst, vết lộ địa chất,…; - Bổ sung trường thông tin, kiểu dữ liệu kèm theo đối với các vùng điều tra chuyên biệt: Các phức hệ, tầng chứa nước, cách nước chủ yếu; Vùng có nguy cơ ô nhiễm, xâm nhập mặn; Vùng cấp, thoát nước tự nhiên. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 103 | Phụ lục 03: Định dạng trong trao đổi, chia sẻ dữ liệu tài nguyênnước | Thiết lập lộ trình chuyển đổi định dạng: Thay vì cho phép song song, Thông tư cần đưa ra một lộ trình rõ ràng | Giải trình: dự thảo Thông tư đã có quy định điều khoản chuyển tiếp tại Điều 16 |
| 104 | Khuyến khích mạnh mẽ và ưu tiên sử dụng GeoPackage cho tất cả các hoạt động tạo lập và trao đổi dữ liệu mới | Giải trình: Dự thảo Thông tư tại Điều 12 khoản 7 điểm b đã quy định danh mục định dạng dữ liệu không gian phổ biến và khuyến nghị sử dụng các định dạng mở, chuẩn quốc tế như GeoJSON, GML, GeoTIFF… nhằm bảo đảm khả năng tích hợp và tương thích cao với các hệ thống hiện hành.GeoPackage là định dạng hiện đại và phù hợp theo chuẩn OGC, tuy nhiên trong thực tiễn triển khai tại Việt Nam, nhiều hệ thống, đặc biệt cấp địa phương, vẫn chủ yếu sử dụng các định dạng phổ biến hơn như Shapefile hoặc GeoJSON. Do vậy, việc quy định chỉ ưu tiên GeoPackage cho tất cả hoạt động tạo lập và trao đổi dữ liệu mới có thể gây khó khăn cho một số đơn vị |
| 105 | Quy định một khoảng thời gian chuyển tiếp (ví dụ: 3 đến 5 năm) để các cơ quan, tổ chức chuyển đổi bắt buộc các bộ dữ liệu quan trọng đang ở định dạng Shapefile sang GeoPackage | Giải trình: dự thảo Thông tư đã có quy định điều khoản chuyển tiếp tại Điều 16 |
| 106 | Quy định rõ ràng về việc áp dụng dịch vụ web: Bổ sung quy định về việc bắt buộc sử dụng các chuẩn dịch vụ web của OGC (như WFS, WCS) và đặc biệt là chuẩn WaterML 2.0 cho việc chia sẻ các loại dữ liệu chuỗi thời gian (quan trắc, giám sát) để đảm bảo tính kịp thời và khả năng tích hợp của dữ liệu | Giải trình: Tiếp thu ý kiến góp ý. Dự thảo đã được chỉnh sửa, bổ sung tại khoản 7 Điều 12 nhằm làm rõ và khuyến nghị việc hỗ trợ các chuẩn dịch vụ web theo tiêu chuẩn OGC (như WMS, WFS, WCS) cho dữ liệu không gian. Nội dung sửa đổi nhằm tăng cường khả năng tích hợp, sử dụng lại dữ liệu địa lý giữa các hệ thống, phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng thời vẫn bảo đảm tính linh hoạt trong triển khai theo điều kiện thực tế của các đơn vị. |
| 107 | Bắt buộc đi kèm siêu dữ liệu: Yêu cầu một cách dứt khoát rằng mọi tập dữ liệu không gian khi được trao đổi hoặc chia sẻ phải đi kèm với một tệp siêu dữ liệu tuân thủ chuẩn ISO 19115. Điều này sẽ đảm bảo dữ liệu luôn có thể được khám phá, hiểu và đánh giá đúng giá trị | Giải trình: Dự thảo Thông tư đã tiếp thu nội dung góp ý về yêu cầu siêu dữ liệu kèm theo tập dữ liệu, được quy định tại Điều 10, khoản 2, điểm a:“Dữ liệu phải được tổ chức khoa học, có hệ thống, đi kèm siêu dữ liệu đầy đủ để phục vụ tìm kiếm, tra cứu, khai thác hiệu quả.”Tuy dự thảo không quy định bắt buộc định dạng siêu dữ liệu theo ISO 19115, nhưng đã đáp ứng nguyên tắc quản lý dữ liệu có siêu dữ liệu đầy đủ, bảo đảm khả năng tìm kiếm, tích hợp và khai thác |
| 108 |   | Sở Nông nghiệp và Môi trường Khánh Hòa | Không có ý kiến góp ý |   |
| 109 | Điều 5 | Cục Chuyển đổi số | Đề nghị rà soát Điều 5 nhằm đảm bảo thuyết minh rõ các thành phần của Cơ sở dữ liệu về nguồn nước, lưu vực sông. Dự thảo chỉ mô tả 02/03 thành phần. | Giải trình: dự thảo Thông tư đã quy định mô tả các trường thông tin của 05/05 cơ sở dữ liệu thành phần như quy định tại Điều 5 |
| 110 | Điều 6  | Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung cơ sở dữ liệu thành phần đảm bảo đồng nhất với sơ đồ ở Phụ lục 01. Cụ thể: Điều 6 về cơ sở dữ liệu quy hoạch về tài nguyên nước; Điều 7 về Cơ sở dữ liệu về kiểm kê, điều tra, đánh giá tài nguyên nước; Điều 8 về Cơ sở dữ liệu về quan trắc về tài nguyên nước; Điều 9 về Cơ sở dữ liệu về giám sát tài nguyên nước; | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 113 | Điều 10 | Tại Điều 10. Định dạng trong trao đổi, chia sẻ dữ liệu tài nguyên nước và siêu dữ liệu tài nguyên nước: Đề nghị quy định cụ thể các định dạng trao đổi, không nêu các định dạng, chuẩn dữ liệu khác | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư: Dự thảo Thông tư đã tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý bằng việc quy định rõ các định dạng cụ thể trong trao đổi và chia sẻ dữ liệu tại Điều 10, khoản 3, điểm b. Các nội dung không còn mơ hồ, góp phần tăng tính thống nhất, đồng bộ và khả năng áp dụng thực tiễn. |
| 114 | Điều 11  | Đề nghị rà soát phạm vi quy định của thông tư tập trung quy định về cấu trúc, chuẩn dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước. Xem xét có cần thiết đưa quy định tại các điều: Điều 11. Yêu cầu đối với hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin; Điều 12. Yêu cầu đối với phần mềm của Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; Điều 13. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật công nghệ, quy mô triển khai và hiệu năng phần mềm; Điều 14. Yêu cầu kỹ thuật về chức năng phần mềm của Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia  | Giải trình: căn cứ các quy định tại khoản 9 Điều 77, khoản 8 Điều 78, khoản 3 Điều 79 và điểm a khoản 1 Điều 95 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật về cấu trúc, chuẩn dữ liệu đối với các thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước; hướng dẫn kỹ thuật về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, phần mềm và cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia. |
| 118 | Điều 16 | Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp: Rà soát, bổ sung các quy định điều khoản chuyển tiếp cho các nhiệm vụ áp dụng các nội dung quy định cho cấu trúc, chuẩn dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước. Dự thảo Thông tư chỉ có quy định đối với nội dung giám sát tài nguyên nước là chưa đầy đủ. | Xin ý kiến theo hướng tiếp thu |
| 119 | Phụ lục 02 | Rà soát trình bày văn bản và đánh chỉ mục | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 120 |   | Cục Quản lý đất đai | Về tên gọi của dự thảo Thông tư, đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp với các nội dung được giao quy định các Điều 77, Điều 78 và Điều 79 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, phạm vi điều chỉnh và nội dung quy định tại các Chương, Điều của dự thảo Thông tư quy định kỹ thuật về cấu trúc, chuẩn dữ liệu tài nguyên nước  | Giải trình: căn cứ Quyết định số 532/QĐ-BNNMT ngày 28/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Chương trình công tác năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, theo đó giao Cục Quản lý tài nguyên nước chủ trì xây dựng "Thông tư quy định kỹ thuật về cấu trúc, chuẩn dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước" |
| 121 | Chương II | Chương II, quy định kỹ thuật về cấu trúc, chuẩn dữ liệu tài nguyên nước (giao tại khoản 9 Điều 77 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP). Tuy nhiên, nội dung quy định chưa đầy đủ các thông tin, dữ liệu mà Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao quy định tại khoản 9 Điều 77 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP và các thông tin, dữ liệu của cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia quy định tại khoản 3 Điều 73 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP như: Thông tin, dữ liệu về số lượng, chất lượng nước; Thông tin, số liệu về kê khai, đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất và xả nước thải vào nguồn nước; Thông tin, dữ liệu về danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước | Giải trình: Dự thảo đã rà soát, đảm bảo các nhóm thông tin, dữ liệu được quy định từ Khoản 1 đến Khoản 8 Điều 77 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ đã được quy định trong các cơ sở dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 4 Dự thảo Thông tư |
| 123 | Chương II | Dự thảo Thông tư chưa thể hiện rõ việc thiết kế, nội dung, các lớp thông tin, dữ liệu của các cơ sở dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia mà mới chỉ nêu các thông tin, dữ liệu cần được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia. Chưa thể hiện rõ nội hàm, sự phân biệt giữa các loại dữ liệu này, tương ứng với từng cơ sở dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia. | Giải trình: việc thể hiện thiết kế, nội dung, các lớp thông tin, dữ liệu của các cơ sở dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia đã được thể hiện chi tiết ở các phụ lục của dự thảo Thông tư  |
| 124 | Chương III | Đề nghị xem xét, tách Chương III thành 02 chương, 01 chương quy định về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và phần mềm của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; và 01 chương quy định về việc cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước để từ đó bảo đảm phù hợp, gắn kết với nội dung đã giao tại khoản 9 Điều 77, khoản 3 Điều 78, khoản 3 Điều 79 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP. | Giải trình: quy định về việc cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước phù hợp trong 01 điều của dự thảo Thông tư, vì vậy để đảm bảo cấu trúc, kết cấu của Thông tư nên lồng ghép cùng với các quy định về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và phần mềm của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia như nội dung dự thảo Thông tư đang quy định |
| 125 | Điều 10 | Đề nghị cơ quan soạn thảo cần bổ sung quy định về giải thích từ ngữ đối với các chuẩn định dạng nêu tại Điều 10 của dự thảo Thông tư. Mặt khác, đề nghị rà soát cụm từ “tiêu chuẩn kỹ thuật” để bổ sung cơ sở pháp lý cho việc áp dụng, viện dẫn (nếu có) các quy chuẩn do cơ quan nhà nước ban hành hoặc tiêu chuẩn quốc tế cho phù hợp với thuật ngữ theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. | Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã rà soát, điều chỉnh cách sử dụng thuật ngữ bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; đồng thời đã xem xét bổ sung giải thích một số định dạng dữ liệu phổ biến tại Điều 3 để thống nhất cách hiểu và thuận lợi trong áp dụng |
| 126 |   | Về phần mềm và hạ tầng kỹ thuật: cần làm rõ nội hàm của các thành phần hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia tại trung ương và địa phương. Bổ sung yêu cầu kỹ thuật tối thiểu cho phần mềm như: hiệu suất, khả năng chịu tải, số người dùng, khả năng đồng bộ hóa… | Giải trình: Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia được xây dựng thành một hệ thống tập trung, thống nhất để quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác thông tin tài nguyên nước trên phạm vi toàn quốc theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP |
| 127 |   | Về ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày, dự thảo Thông tư còn một số lỗi chính tả, đề nghị rà soát ngôn ngữ cho chính xác. Cần thống nhất cách trình bày “Ký hiệu trường thông tin” tại phần phụ lục của dự thảo Thông tư cho phù hợp với quy định (ví dụ: viết hoa hoặc viết thường). | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 128 | Chương II, Điều 4, khoản 2  | Cục Môi Trường | Dự thảo quy định “Dữ liệu không gian về tài nguyên nước sử dụng các hệ quy chiếu, hệ tọa độ theo quy định hiện hành trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý”. Tuy nhiên, trong các bảng dữ liệu có trường tọa độ X, Y hoặc geom (ví dụ: LuuVucSong, SongSuoi, HoAoDamPha,...), không đề cập rõ ràng hệ quy chiếu cụ thể nào được sử dụng cho các tọa độ này. Đề nghị quy định rõ hệ quy chiếu, hệ tọa độ áp dụng đối với các trường tọa độ trong các bảng dữ liệu. | Giải trình: Dữ liệu không gian về tài nguyên nước sử dụng các hệ quy chiếu, hệ tọa độ theo quy định hiện hành trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý đã được quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Thông tư này. |
| 129 | Chương II, Điều 8, khoản 1  | Đề nghị làm rõ và định nghĩa cụ thể hai khái niệm “trạm quan trắc tài nguyên nước” và “trạm quan trắc môi trường nước”, kèm theo tiêu chí phân biệt rõ ràng để thuận tiện trong quản lý và vận hành. Đồng thời, khuyến nghị xây dựng cơ chế liên kết, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống quan trắc tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và môi trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước. | Giải trình: Việc xây dựng cơ chế liên kết, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống quan trắc tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và môi trường không thuộc phạm vi quy định của Thông tư này. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 84 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP đã làm rõ cơ quan chuyên môn về môi trường cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng nước tại các trạm quan trắc môi trường.  |
| 130 | Phụ lục 2 | Đề nghị rà soát trường thông tin giấy phép môi trường và dữ liệu tại trạm quan trắc chất lượng môi trường nước theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cũng như Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hướng dẫn kỹ thuật xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường. | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 131 | Tại mục I - Dữ liệu danh mục, bảng mã; đề nghị rà soát một số danh mục như DM\_NguonNuocDuoiDat (phần 3 - Danh mục tầng chứa nước dưới đất) và DM\_ChatLuongNuoc (phần 4 - Danh mục chất lượng nước) có số lượng mục lớn và phức tạp. Việc đảm bảo người dùng nhập liệu chính xác và nhất quán theo các danh mục này trong thực tế có thể là một thách thức. Thông tư nên khuyến nghị hoặc yêu cầu xây dựng các công cụ hỗ trợ nhập liệu (ví dụ: dropdown list, autocomplete fields trong phần mềm) dựa trên các danh mục này để giảm thiểu lỗi và đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu. | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 132 | Tại mục II, phần 1.1 - Dữ liệu giám sát công trình khai thác để sản xuất cung cấp nước sạch cho sinh hoạt và phần 1.2 - Dữ liệu Giám sát hoạt động khai thác nước đối với công trình hồ chứa để phát điện.- Đề nghị rà soát định dạng dữ liệu chất lượng nước trong giám sát: Trong các bảng dữ liệu giám sát, trường Chất lượng nước (DM\_ChatLuongNuoc) hiện đang được định nghĩa với kiểu Số thực (Real) hoặc Chuỗi ký tự (String). Tuy nhiên, DM\_ChatLuongNuoc là một bảng danh mục các thông số chất lượng nước (tại mục 4. Chất lượng nước: pH, BOD5, COD, v.v.), không phải là một giá trị số duy nhất hay một chuỗi tổng quát. Việc lưu trữ chất lượng nước dưới dạng Số thực hoặc String chung chung có thể không đáp ứng yêu cầu lưu trữ đầy đủ các thông số chất lượng nước theo danh mục chi tiết. Cần làm rõ cách thức lưu trữ dữ liệu chất lượng nước quan trắc. Đề xuất sử dụng cấu trúc dữ liệu dạng JSON hoặc một bảng liên kết để lưu trữ nhiều thông số chất lượng nước cùng với giá trị và đơn vị tương ứng cho mỗi thời điểm quan trắc, thay vì sử dụng một trường đơn lẻ.- Về trường DM\_Chatluongnuoc (ví dụ trong mục II, phần 1.1 - Dữ liệu giám sát công trình khai thác để sản xuất cung cấp nước sạch cho sinh hoạt): Trong bảng giamsatCTSH, trường “Chất lượng nước” có kiểu dữ liệu là Số thực Real. Tuy nhiên, phần mô tả lại ghi là “Theo danh mục chất lượng nước”. Điều này tạo ra sự không nhất quán về mặt ngữ nghĩa và kỹ thuật. Nếu trường này được thiết kế để tham chiếu đến một danh mục, nên sử dụng một khóa ngoại (foreign key). Danh mục DM\_ChatLuongNuoc định nghĩa các thông số chất lượng nước với một cột "Mã" (ví dụ: 1, 2, 3...) và một cột "Ký hiệu" (ví dụ: "pH", "BOD₅"). Việc sử dụng kiểu Số thực Real cho một trường tham chiếu danh mục là không phù hợp, vì các "Mã" hoặc "Ký hiệu" trong danh mục không phải là giá trị số dùng để tính toán mà là các định danh. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 135 | Đề nghị rà soát lại danh mục ký hiệu tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội, ban hành ngày 12/06/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh, tại mục II, phần 1.9 - Yêu cầu truyền dữ liệu từ các trạm quan trắc tự động về hệ thống giám sát, ý 4 về yêu cầu truyền dữ liệu. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 135 | - Trường “Diện tích phân bố” có ký hiệu trường thông tin là “wtb”, trong khi mô tả là “km2”. Ký hiệu “wtb” đã được sử dụng cho “Dung tích toàn bộ” (“wtb” - Tính theo triệu m3) trong bảng “HoAoDamPha” (Tại mục II, phần 2.2 - Danh mục nguồn nước thuộc các hồ, ao, đầm, phá) và “KiemKe-HoAoDamPha” (Tại mục V, phần 1.1. Dữ liệu về kiểm kê nguồn nước). Việc sử dụng lại cùng một ký hiệu cho hai trường có ý nghĩa khác nhau (diện tích và dung tích) là không nhất quán và có thể gây nhầm lẫn. Nên đổi ký hiệu trường “Diện tích phân bố” thành một tên phù hợp hơn với ngữ nghĩa, ví dụ: “dienTichPhanBo”. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 137 | Tại mục II, phần 2.3 - Dữ liệu về nguồn nước là các tầng chứa nước. Trường “Tên tầng chứa nước (tenTangChuaNuoc)” hiện có kiểu dữ liệu là Số thực Real; tuy nhiên, dựa trên nội dung tại mục I - Dữ liệu danh mục, bảng mã phần 3 – “Danh mục nguồn nước dưới đất” cho thấy các “Giá trị” của tầng chứa nước là các chuỗi văn bản mô tả (ví dụ: “Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia”, “Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá phun trào bazan Pleistocen”...). Do đó, kiểu dữ liệu Số thực Real là không phù hợp và cần sửa thành Chuỗi ký tự CharacterString để lưu trữ các tên gọi này | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 138 | - Tại mục II, phần 2.13. Cấu trúc Thông tin kê khai nước dưới đất): Trường “Số điện thoại” (số TT 6, ký hiệu SDT) trong bảng thành phần lớp dữ liệu KekhaiNDD hiện được định nghĩa với kiểu dữ liệu là Số thực (Real). Đây là một lỗi sai đáng kể, vì số điện thoại là loại dữ liệu định danh, không phải là giá trị số để thực hiện các phép toán. Hơn nữa, số điện thoại thường bắt đầu bằng số 0 (ví dụ: 0912...) và có thể chứa các ký tự không phải số (ví dụ: dấu ngoặc đơn, dấu gạch ngang, dấu cách). Kiểu dữ liệu Số thực (Real) sẽ tự động loại bỏ số 0 ở đầu và không thể chứa các ký tự này, dẫn đến nguy cơ mất mát dữ liệu hoặc định dạng sai khi lưu trữ. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 139 | Tại mục II, phần 2.5 - Dữ liệu điều tra, đánh giá phục vụ lập bản đồ phân vùng nguy cơ hạn hán, thiếu nước.Tên lớp dữ liệu: PHANVUNGHANHANTHIEUNUOC không có thông tin trong bảng thành phần. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 140 | Đề nghị rà soát quy định độ dài cho các trường có kiểu Chuỗi ký tự CharacterString; hiện tại, nhiều trường không quy định độ dài [ví dụ: 96, 97, 100, 101, 102]. Thiếu sót này trong thiết kế cơ sở dữ liệu có thể dẫn đến việc cắt cụt dữ liệu hoặc phân bổ bộ nhớ không hiệu quả. Đề nghị quy định rõ độ dài trường cho tất cả các trường có kiểu Chuỗi ký tự CharacterString dựa trên ước tính độ dài tối đa của dữ liệu thực tế. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 141 | Đề nghị rà soát lại các trường “Diện tích mặt nước (dienTichMatNuoc)” hiện có kiểu dữ liệu là Chuỗi ký tự (CharacterString) nhưng mô tả là “Tính theo km²”. Điều này không phù hợp, vì diện tích là một giá trị số và nên được lưu trữ dưới kiểu dữ liệu số để có thể thực hiện các phép tính toán và phân tích. Cần sửa kiểu dữ liệu thành Số thực (Real). | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 142 | Đồng thời, đề nghị rà soát tính nhất quán về kiểu dữ liệu cho các trường liên quan đến thời gian trong Phụ lục 02. Cụ thể, các trường như “Thời gian bắt đầu vận hành” nên được chuyển sang kiểu dữ liệu thời gian (DateTime) thay vì kiểu chuỗi (String) để đảm bảo tính chuẩn hóa và khả năng xử lý dữ liệu hiệu quả. Ngoài ra, xem xét lại các trường “Yếu tố khác” hoặc “Ghi chú” để đánh giá liệu có thông tin nào thường xuyên được ghi nhận trong đó có thể được chuẩn hóa thành các trường dữ liệu riêng biệt nhằm tăng cường tính cấu trúc và khả năng phân tích dữ liệu. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 143 | Phụ lục 3 | Đề xuất rà soát, bổ sung hướng dẫn chi tiết và xác định rõ các định dạng ưu tiên là cần thiết để tối ưu hóa việc tích hợp và chia sẻ dữ liệu, đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả trong xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước. - Dữ liệu không gian: Shapefile, GML, GeoJSON, KML/KMZ, GPKG và các chuẩn khác. Quy định về GML hoặc GeoJSON và tên lược đồ ứng dụng là DD-GML 1.0 hoặc DD-GeoJSON 1.0. - Dữ liệu thuộc tính: Định dạng mở rộng XML, GeoTIFF, NetCDF, JSON và các ngôn ngữ khác. Tên lược đồ ứng dụng là DD-XML 1.0 hoặc DD-JSON 1.0. - Dữ liệu phi cấu trúc: Theo định dạng đã lưu trữ trong cơ sở dữ liệu. - Siêu dữ liệu: Theo định dạng JSON. Hiện không có sự ưu tiên rõ ràng có thể dẫn đến thiếu nhất quán, đề xuất xác định rõ định dạng ưu tiên, cần chỉ rõ định dạng tối ưu cho từng loại dữ liệu. Đồng thời, cần hướng dẫn về thời điểm sử dụng từng định dạng dựa trên các kịch bản cụ thể, ví dụ: GeoJSON cho ứng dụng web và di động; GML cho lược đồ dữ liệu phức tạp; GPKG cho dữ liệu không gian và thuộc tính đóng gói; JSON trong các dịch vụ API/Web Services | Tiếp thu một phần. Để bảo đảm tính linh hoạt, tránh trùng lặp và phù hợp với thực tiễn triển khai, dự thảo đã quy định cụ thể các định dạng dữ liệu theo từng loại (dữ liệu không gian, thuộc tính, siêu dữ liệu...) tại Điều 10 và Điều 12. Do vậy, không quy định Phụ lục riêng về định dạng dữ liệu để tránh phát sinh chồng chéo, trong khi vẫn bảo đảm định hướng sử dụng các chuẩn phổ biến (GML, GeoJSON, JSON, XML, GeoTIFF...). Các định dạng ưu tiên sẽ được hướng dẫn kỹ thuật chi tiết trong tài liệu nội bộ hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành. |
| 148 | Điều 1 | Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội | Thông tư này quy định về cấu trúc, chuẩn dữ liệu đối với thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước, các yêu cầu đối với hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, phần mềm và việc cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước”. (bỏ cụm từ ***quốc gia*).** | Giải trình: Theo quy định tại Điều 7 của Luật Tài nguyên nước 2023 đã quy định Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia do vậy giữ nguyên quy định đối tượng áp dụng theo dự thảo Thông tư  |
| 149 | Điều 2  | Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác dữ liệu về tài nguyên nước trong Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước. (bỏ cụm từ ***quốc gia*).** | Giải trình: Theo quy định tại Điều 7 của Luật Tài nguyên nước 2023 đã quy định Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia do vậy giữ nguyên quy định đối tượng áp dụng theo dự thảo Thông tư  |
| 150 | Khoản 2 điều 17 | Rà soát nội dung tại Khoản 2 Điều 17. Hiệu lực thi hành- "2.Bãi bỏ Chương I, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Chương IV của Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước".- Tại Điểm b Khoản 3 Điều 35 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước đã bãi bỏ Điều 3, Điều 4 (thuộc Chương I của Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).Trong trường hợp bãi bỏ Điều 1, Điều 2 Chương I của Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đồng nghĩa với việc bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT. | Giải trình: Dự thảo Thông tư đã rà soát các quy định còn lại chưa được bãi bỏ của Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 và đã cập nhật vào dự thảo Thông tư |
| 153 | Danh mục nguồn nước dưới đất | Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát tên gọi, ký hiệu tầng chứa nước theo nội dung tại Quyết định số 4355/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành danh mục nguồn nước dưới đất. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 154 | mục 5 phụ lục 2  | Rà soát tên tiêu đề nội dung của các đơn vị đo trong bảng dữ liệu. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 155 | các trường thông tin dữ liệu có tọa độ  | cần thống nhất ký hiệu theo dạng Tọa độ X (sửa theo dạng: TOADO\_X); Tọa độ Y (sửa theo dạng: TOADO\_Y); Tọa độ X bờ phải (sửa theo dạng: TOADO\_X\_BOPHAI); Tọa độ Y bờ phải (sửa theo dạng: TOADO\_Y\_BOPHAI) … | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 156 | Điều 4,5,6,7,8,9 | Cục biến đổi khí hậu | -  Đề nghị rà soát nội dung tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9 của dự thảo Thông tư nhằm đảm bảo đầy đủ nội dung về thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Tài nguyên nước và được quy định chi tiết tại khoản 3 Điều 76 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. | Giải trình: Theo quy định tại khoản 3 Điều 76 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định các nhóm thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước, do vậy, để thuận lợi cho việc tổ chức, quản lý, sử dụng dữ liệu, dự thảo thông tư đã tổ chức thành các cơ sở dữ liệu thành phần như tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Thông tư.  |
| 157 | Phụ lục 1  | Đề nghị quy định thống nhất các thành phần của cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9 với thông tin về Mô hình các thành phần của cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia thể hiện tại Phụ lục 01 | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 158 | Mục II/1.8 thuộc Phụ lục 2  | Đề nghị xem xét quy định nội dung về “Yêu cầu đối với hệ thống nhận, truyền và quản lý dữ liệu” tại nội dung chính của Thông tư. Hiện nay, nội dung này đang quy định tại Mục II/1.8 thuộc Phụ lục 02 “Cấu trúc, kiểu thông tin của Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia” là chưa phù hợp. | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư. Theo đó quy định nội dung về Yêu cầu đối với hệ thống nhận, truyền và quản lý dữ liệu giám sát khai thác tài nguyên nước” |
| 159 | Bổ sung nội dung | Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum | Hiện nay tỉnh Kon Tum được đầu tư lắp đặt và đang vận hành hệ thống giám khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Để hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước hiện có ở địa phương đồng bộ, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung hướng dẫn phần mềm, nâng cấp cấu trúc, chuẩn dữ liệu để chuyển tiếp theo Thông tư Quy định kỹ thuật về cấu trúc, chuẩn dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước. | Tiếp thu ý kiến góp ý, Dự thảo đã bổ sung quy định tại điều 16 về các quy định chuyển tiếp đối với các hệ thống giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước hiện có |
| 160 | Căn cứ ban hành Thông tư | Thanh tra Chính phủ  | Đề nghị bỏ 02 căn cứ "Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025" và "Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Giải trình: Việc xây dựng thông tư cũng được thực hiện dựa trên các quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, do vậy, kiến nghị giữ nguyên như dự thảo Thông tư |
| 161 | Điều 1  | Đề nghị bổ sung cụm từ "kỹ thuật" để đúng với tên của Thông tư | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 162 | khoản 4 Điều 3  | - Đề nghị chỉnh sửa như sau: “4. Dữ liệu phi cấu trúc về tài nguyên nước là những thông tin liên quan đến tài nguyên nước không tuân theo một cấu trúc hay mô hình dữ liệu cụ thể, bao gồm: …”.'-Đề nghị bỏ cụm từ “các tập tin pdf” do tập tin pdf là một định dạng tập tin văn bản mà “tập tin văn bản” đã được nêu tại dự thảo Thông tư. | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 163 | khoản 1 Điều 4  | Đề nghị rà soát, nghiên cứu bổ sung thêm cơ sở dữ liệu thành phần đối với các thông tin, dữ liệu tài nguyên nước đã được quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023 và Điều 77 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. | Giải trình: Theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023 và Điều 77 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, các nhóm thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước đã được tổ chức thành các cơ sở dữ liệu thành phần để thuận lợi cho việc quản lý, sử dụng dữ liệu như tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Thông tư.  |
| 164 | Phụ lục 2  | Đối với phần I. Dữ liệu danh mục, bảng mã -Tại mục 3. Danh mục nguồn nước dưới đất: đề nghị nêu rõ các tầng chứa nước này thuộc quy mô điều tra, đánh giá về tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ nào: Ví dụ lấy theo tỷ lệ 1/200.000; 1/50.000…; -Tại mục 5. Đơn vị đo: đề nghị bổ sung đơn vị là km. | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 164 | Phụ lục 2  | Phần II. Dữ liệu về lưu vực sông-Tại mục 2.1. Danh mục nguồn nước thuộc các sông, suối, kênh, rạch: đề nghị bổ sung hệ tọa độ x, y theo hệ tọa độ nào;-Tại mục 2.2. Danh mục nguồn nước thuộc các hồ, ao, đầm, phá: đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung thêm ao, đầm, phá; | Giải trình: Dữ liệu không gian về tài nguyên nước sử dụng các hệ quy chiếu, hệ tọa độ theo quy định hiện hành trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý đã được quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Thông tư này.Tiếp thu ý kiến góp ý, rà soát, cập nhật vào bảng danh mục nguồn nước thuộc các hồ, ao, đầm, phá |
| 164 | Phụ lục 2  | Phần III. Dữ liệu về giám sát tài nguyên nướcMục 2.3. Công trình khai thác nước dưới đất thuộc trường hợp phải có giấy phép: Đề nghị bổ sung thêm về dữ liệu thông số địa chất thủy văn tầng chứa nước (k,m,...) | Giải trình: việc xây dựng các trường thông tin củaCông trình khai thác nước dưới đất thuộc trường hợp phải có giấy phép được quy định dựa trên mẫu giấy phép khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024  |
| 165 | Điều 4  | Cục Chăn nuôi và Thú y | - Điều 4. Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia: Ban soạn thảo cân nhắc bổ sung quy định về quy trình kết nối, tích hợp dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu địa phương vào cơ sở dữ liệu quốc gia, đồng thời chỉ rõ các tiêu chuẩn dữ liệu cho việc tích hợp này | Giải trình: dự thảo Thông tư đã quy định Phần mềm phải hỗ trợ kết nối, tích hợp thông tin, dữ liệu với các hệ thống khác thông qua dịch vụ dữ liệu (web service) hoặc giao thức chuẩn; tương thích với giao thức Internet IPv6; bảo đảm khả năng chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với các hệ thống trong và ngoài ngành tài nguyên nước.  |
| 166 | Điều 12  | - Điều 12. Yêu cầu đối với phần mềm của Hệ thống thông tin, cơ sở dữliệu tài nguyên nước quốc gia: Ban soạn thảo cân nhắc bổ sung quy định về việc đánh giá hiệu quả của phần mềm trong việc thu thập, quản lý và chia sẻ dữ liệu, bao gồm việc cập nhật và sửa chữa phần mềm theo phản hồi từ người dùng | Giải trình: việc đánh giá hiệu quả của phần mềm trong việc thu thập, quản lý và chia sẻ dữ liệu, bao gồm việc cập nhật và sửa chữa phần mềm theo phản hồi từ người dùng không thuộc phạm vi dự thảo Thông tư này |
| 167 |   | Sở NN&MM Thành phố Hồ Chí Minh | Thống nhất nội dung dự thảo |   |
| 168 |   | Hội Nước sạch và Môi trường Việt Nam | Thống nhất nội dung dự thảo |   |
| 169 | Điều 3 | Hội Địa chất Việt Nam | Tại Khoản 2, Điều 3. Giải thích thuật ngữ trong dữ liệu không gian về tài nguyên nước cần bổ sung thêm nội dung “công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất; các công trình phát triển nguồn nước | Giải trình: việc quy định các nội dung “công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất; các công trình phát triển nguồn nước đã được quy định tại các văn bản hướng dẫn dưới Luật Tài nguyên nước 2023. Do vậy, dự thảo Thông tư không quy định giải thích các thuật ngữ này |
| 170 | Điều 4 | Tại Mục a), Khoản 2, Điều 4 nên điều chỉnh thuật ngữ “Cơ sở dữ liệu về nguồn nước, lưu vực sông”, chuyển thành “ Cơ sở dữ liệu về lưu vực sông và các nguồn nước trong lưu vực” cho hợp lý hơn | Giải trình: Thông tin, dữ liệu về nguồn nước, lưu vực sông đã được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 76 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP |
| 171 | Điều 6 | Tại Khoản 2, Điều 6 về cơ sở dữ liệu quy hoạch tài nguyên nước cần bổ sung thêm Mục c) Dữ liệu về hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo các vùng kinh tế và các lưu vực sông; e) Dữ liệu về các vấn đề tài nguyên nước (tình trạng suy thoái tài nguyên nước): ô nhiễm, cạn kiệt, xâm nhập mặn | Giải trình: việc quy định các nội dung thông tin, dữ liệu tài nguyên nước của cơ sở dữ liệu quy hoạch tài nguyên nước đã được căn cứ trên quy hoạch tài nguyên nước quốc gia đã được phê duyệt |
| 172 | Điều 6 | Tại Khoản 5, Điều 6 bổ sung thêm Mục đ) Lượng nước dưới đất có thể khai thác và ngưỡng khai thác; | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 173 | Điều 7 | Tại Mục b), Khoản 2, Điều 7 bổ sung thêm dữ liệu kiểm kê “công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất”; | Giải trình: các thông tin, dữ liệu về kiểm kê tài nguyên nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP không bao gồm công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất |
| 174 | Điều 8 | Tại Mục b), Khoản 2, Điều 8 cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên nước bổ sung thêm nội dung “Đối với các trạm quan trắc mạch nước dưới đất xuất lộ bổ sung dữ liệu về lưu lượng mạch nước”; | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 175 | Phụ lục 2 | Tại Phụ lục 02 cần giải thích rõ hơn về thuật ngữ “Giá trị” biểu diễn ở các cột trong các Bảng cho phù hợp với các nội dung được thống kê, cập nhật; | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 176 | Rà soát và chuẩn hóa các ký hiệu, tên các tầng chứa nước tại Mục 3, Phụ lục số 02; | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 177 | Tại Mục 2.3. Dữ liệu điều tra, đánh giá hiện trạng KTSD tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước mới chỉ đề cập tới tên và ký hiệu trường thông tin, chưa đề cập tới các thông số cụ thể, nhất là các thông tin dữ liệu về hiện trạng khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước. Vì vậy, ở Mục này cần bổ sung các dữ liệu về lưu lượng khai thác, mực nước khai thác; mục đích sử dụng; lưu lượng xả thải, nguồn tiếp nhận…; | Tiếp thu ý kiến góp ý, việc quy định thông số cụ thể của các dữ liệu điều tra, đánh giá hiện trạng KTSD tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được quy định tại Danh mục dùng chung ở Phụ lục |
| 178 | Tại Mục 3.5. Dữ liệu điều tra, khảo sát phục vụ lập, điều chỉnh hành lang bảo vệ nguồn nước mới chỉ tập trung vào hành lang bảo vệ nguồn nước mặt, còn nguồn nước dưới đất chưa được đề cập. Vì vậy, trong Mục này cần bổ sung các dữ liệu hành lang bảo vệ nguồn nước dưới đất – miền cấp, giếng khoan, mạch lộ…; | Giải trình: việc quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Tài nguyên nước, nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ không bao gồm hành lang bảo vệ nguồn nước dưới đất |
| 179 | Tương tự vậy, tại Mục 3.6. Dữ liệu xây dựng kịch bản nguồn nước cần bổ sung dữ liệu đối với nguồn nước dưới đất; | Giải trình: đối với các trường thông tin, dữ liệu xây dựng kịch bản nguồn nước đã bao gồm trường thông tin hiện trạng nguồn nước (đã bao gồm nguồn nước mặt và nước dưới đất) |
| 180 | Các lỗi chuyên môn và kỹ thuật khác được góp ý và đánh dấu đỏ chi tiết tại file gửi kèm. | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 181 |   | Sở NNMT Cao Bằng | Thống nhất nội dung dự thảo |   |
| 182 | Phụ lục 1  | Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin Địa lý Việt Nam | Đối với sơ đồ cấu trúc tổng thể tại phụ lục 01 chưa thể hiện được mối quan hệ liên kết giữa cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia với các cơ sở dữ liệu thành phần. Trong mỗi một cơ sở dữ liệu thành phần cần bổ sung thêm sơ đồ thể hiện mối liên kết (1-1, 1-n, n-n) giữa các lớp dữ liệu trong cơ sở dữ liệu đó ví dụ một lưu vực sông có nhiều nguồn nước; một nguồn nước có thể có nhiều điểm quan trắc, nhiều kết quả kiểm kê, nhiều loại giấy phép | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 183 | Phụ lục 2 | Đối với cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia tại phụ lục 2:  |   |
| 184 | Các bảng dữ liệu danh mục như mục đích, khai thác sử dụng (DM\_MucDichSuDung), lưu vực sông (DM\_LuuVucSong), nguồn nước dưới đất (DM\_NguonNuocDuoiDat), chất lượng nước (DM\_ChatLuongNuoc) chưa gắn kết với các trường thông tin thuộc tính trong các lớp dữ liệu thành phần. | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 185 | Một số lớp dữ liệu thiếu trường thông tin quy định kiểu dữ liệu thông tin hình học không gian (lớp dữ liệu lưu vực sông, nguồn nước lập hành lang…), thông tư chưa quy định thông tin về hệ tọa độ không gian sử dụng trong các lớp dữ liệu. | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 186 | Các lớp dữ liệu kiểm kê, điều tra, quan trắc, giám sát tài nguyên nước hiện trong bảng cấu trúc, kiểu dữ liệu có thể hiện vị trí tọa độ, điểm đầu cuối đoạn sông, suối, nhưng không gắn với các đối tượng không gian cụ thể nào (điểm, đường, vùng). | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 187 | Một số trường thông tin quy định kiểu dữ liệu chưa phù hợp ví dụ trường tính diện tích mặt nước sử dụng kiểu CharacterString, mã sông, tên tầng nước.. sử dụng kiểu Real | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 188 | Rà soát lại tên các trường dữ liệu chưa rõ ràng, gây khó nhận biết ví dụ: tên lớp dữ liệu bản đồ chuyên đề đang đặt là LOAITHONGTIN, TOADOXDIEMCUOI, TOADOYDIEMCUOI… | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 189 | Thông tư có đề cập đến khái niệm siêu dữ liệu (metadata) nhưng chưa đưa ra mẫu biểu, cấu trúc thành phần thông tin cần thể hiện trong siêu dữ liệu. | Tiếp thu một phần. Dự thảo Thông tư (khoản 2 Điều 10) đã quy định dữ liệu phải đi kèm siêu dữ liệu đầy đủ để phục vụ tìm kiếm, tra cứu, khai thác hiệu quả. Tuy nhiên, để bảo đảm tính linh hoạt trong áp dụng và phù hợp với từng loại dữ liệu, dự thảo chưa quy định cứng mẫu biểu siêu dữ liệu trong Thông tư. Việc quy định cụ thể cấu trúc thành phần siêu dữ liệu sẽ được hướng dẫn trong tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tài liệu hướng dẫn riêng theo chuẩn ISO 19115 hoặc TCVN tương đương |
| 190 | Điều 6  | Hội Cấp thoát nước Việt Nam  | - Điều 6 Cơ sở dữ liệu quy hoạch về tài nguyên nước: Điểm b Khoản 2: Đề nghị sửa thành: Dữ liệu tổng hợp về tổng lượng nước, *chất lượng nguồn nước* mặt, nước dưới đất hiện trạng và dự báo trong kỳ quy hoạch theo các vùng kinh tế và các lưu vực sông. Điểm c Khoản 2 đề nghị bổ sung: dữ liệu về nhu cầu sử dụng nước hiện trạng và dự báo trong kỳ quy hoạch theo các vùng kinh tế, *các lưu vực sông, các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng liên tỉnh và tỉnh* | Giải trình: việc quy định các nội dung thông tin, dữ liệu tài nguyên nước của cơ sở dữ liệu quy hoạch tài nguyên nước đã được căn cứ trên quy hoạch tài nguyên nước quốc gia đã được phê duyệt |
| 191 | Điều 7. Khoản 2. Điểm b | - Điều 7 Khoản 2 Điểm b: Đề nghị bổ sung số liệu tổng hợp về nguồn nước trong các quy hoạch quốc gia, quy hoạch tỉnh và công trình cấp thoát nước trong QH cấp quốc gia, QH tỉnh. Các công trình xả thải vào nơi sử dụng làm nguồn nước cấp. Bổ sung ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng và xâm nhập mặn đến các nguồn nước theo kịch bản biến đổi khí hậu | Giải trình: các thông tin, dữ liệu về kiểm kê tài nguyên nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP không bao gồm thông tin, dữ liệu về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng và xâm nhập mặn đến các nguồn nước theo kịch bản biến đổi khí hậu |
| 192 |   | – Đề nghị bổ sung thêm 01 Điều quy định về quyền khai thác, chia sẻ thông tin và vận hành hệ thống thông tin dữ liệu sau khi hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu | Giải trình: Việc quy định trách nhiệm xây dựng, quản lý, duy trì, vận hành Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia đã được quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP (Điều 84). Do vậy, dự thảo không quy định quyền khai thác, chia sẻ thông tin và vận hành hệ thống thông tin dữ liệu sau khi hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu |
| 193 |   | – Điều khoản chuyển tiếp cần quy định thời gian có hiệu lực của Thông tư và thời gian để những công trình đã thực hiện việc cập nhật, kết nối truyền số liệu vào hệ thống giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước đủ thời gian thực hiện theo quy định cũ không phải chuyển đổi cấu trúc dữ liệu gây lãng phí nguồn lực | Giải trình: việc chuyển đổi cấu trúc dữ liệu phụ thuộc vào hạ tầng kỹ thuật, ….. nên không quy định mốc thời gian cụ thể tại thông tư này |
| 194 | Mục 2.12 | Sở NN&MT tỉnh Quảng Ninh | Kiến nghị cơ quan tham mưu dự thảo Thông tư nên xem xét tích hợp tận dụng các trường thông tin dữ liệu nền đã có của Giấy phép môi trường (các thông tin về hoạt động xả nước thải vào nguồn nước) vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia. | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
| 195 | Điều 9 | Sở NNMT Cà Mau | Tại điểm a khoản 2 Điều 9. “a) Bản kê khai khai thác nước dưới đất” đề nghị sửa lại như sau “a) Tờ kê khai khai thác nước dưới đất” | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa vào dự thảo Thông tư |
|   |   | Sở NNMT Thành phố Huế | Không có ý kiến góp ý |   |
| 196  |   | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | Tại Khoản 2 Điều 16 của Dự thảo quy định: “ Đối với các cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước, hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các cơ sở dữ liệu, hệ thống khác liên quan đang vận hành thì tiếp tục thực hiện và phải nâng cấp theo cấu trúc, chuẩn dữ liệu quy định của Thông tư này khi tích hợp vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia”. Dự thảo Thông tư mới quy định chuẩn dữ liệu nhưng không quy định khả năng Đơn vị được phép dùng chung thiết bị, các quy định nêu trên chưa có sự đồng bộ, tích hợp về nền tảng kỹ thuật và cơ chế cập nhật dữ liệu, khó khăn trong quá trình thực hiện, cụ thể như: (i) Cổng cập nhật dữ liệu không đồng nhất, yêu cầu nhập dữ liệu trùng lặp tại nhiều hệ thống khác nhau (Môi trường – Tài nguyên nước), (ii) Tần suất và định dạng dữ liệu không tương thích, phát sinh chi phí phần mềm và nhân lực, (iii) Thiếu hướng dẫn cụ thể về ưu tiên, tích hợp hoặc đồng bộ giữa các quy định, dẫn đến việc Đơn vị không thể cùng lúc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu từ nhiều văn bản. Như vậy việc Đơn vị phải thực hiện nâng cấp theo cấu trúc, chuẩn dữ liệu quy định tại Dự thảo Thông tư mới và Thông tư, Nghị định hiện hành gặp nhiều khó khăn. Do đó, Đơn vị kiến nghị Dự thảo Thông tư như sau:1. Đồng bộ, tích hợp hệ thống cập nhật dữ liệu môi trường và tài nguyên nước theo hướng dùng chung một cổng dữ liệu quốc gia, phân loại theo lĩnh vực nhưng liên thông về mặt kỹ thuật và pháp lý tránh rủi ro, gây lãng phí cho Đơn vị.2. Bổ sung quy định về tính kế thừa hoặc ưu tiên áp dụng văn bản nào trong trường hợp có sự khác biệt hoặc không thống nhất giữa các văn bản để tránh việc phải thực hiện trùng lặp hoặc ảnh hưởng đến tính hợp pháp của hoạt động. | Giải trình:- Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia phải bảo đảm an toàn, bảo mật, hoạt động ổn định, liên tục và có khả năng mở rộng phù hợp với yêu cầu triển khai hệ thống tập trung trên phạm vi toàn quốc (Điều 11 Dự thảo Thông tư)- Trường hợp công trình khai thác tài nguyên nước đã thực hiện việc cập nhật, kết nối, truyền số liệu vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện và khuyến khích nâng cấp để truyền dữ liệu theo phương thức Web Service về hệ thống giám sát; ((Điều 16 Dự thảo Thông tư)) |
|  197 |   | Bộ Xây dựng   | 1. Tại khoản 1 Điều 4 của Dự thảo Thông tư: Đề nghị xem xét bổ sung các thành phần của cơ sở tài nguyên nước quốc gia (bao gồm: cơ sở dữ liệu về số lượng, chất lượng nước; cơ sở sở dữ liệu về quan trắc khí tượng thủy văn, chất lượng môi trường nước) đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Tài nguyên nước và khoản 3 Điều 76 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết môt số điều của Luật Tài nguyên nước.  | Giải trình: Theo quy định tại khoản 3 Điều 76 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định các nhóm thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước, do vậy, để thuận lợi cho việc tổ chức, quản lý, sử dụng dữ liệu, dự thảo thông tư đã tổ chức thành các cơ sở dữ liệu thành phần như tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Thông tư.  |
|  198 |   | 2. Tại Khoản 3 Điều 14 của Dự thảo Thông tư: Đề nghị bổ sung yêu cầu cho phép kết nối các hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý vận hành hệ thống cấp nước của đơn vị cấp nước (như: hệ thống GIS nước sạch, hệ thống SCADA,…) với dữ liệu tài nguyên nước của địa phương nhằm đảm bảo tính hiệu quả, đồng bộ trong việc tích hợp với cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.  | Giải trình: 2. Hạ tầng kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu về kết nối, thu nhận, xử lý, lưu trữ, quản lý và chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên nước từ trung ương đến địa phương. (Khoản 2, Điều 11) |
|  199 |   | 3. Về báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến Dự thảo Thông tư: Đề nghị phân tích, đánh giá mức độ ảnh hưởng về mặt kinh tế - xã hội và sự tuân thủ thực hiện của các tổ chức, cá nhân trong việc “xây dựng, thu thập, cập nhật, quản lý, duy trì, khai thác, kết nối, chia sẻ và sử dụng các cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia”, đảm bảo hiệu quả trong công tác xây dựng pháp luật. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật phân tích, đánh giá mức độ ảnh hưởng về mặt kinh tế - xã hội và sự tuân thủ thực hiện của các tổ chức, cá nhân trong việc “xây dựng, thu thập, cập nhật, quản lý, duy trì, khai thác, kết nối, chia sẻ và sử dụng các cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia”, đảm bảo hiệu quả trong công tác xây dựng pháp luật. |
|  200 | Điều 4 | Bộ Công thương       | Điều 4 Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia: Việc tổ chức cơ sở dữ liệu thành các thành phần (nguồn nước, quy hoạch, kiểm kê, quan trắc, giám sát) là hợp lý. Tuy nhiên, sơ đồ mô hình cơ sở dữ liệu (Phụ lục 01) cần được mô tả chi tiết hơn để đảm bảo tính trực quan và dễ triển khai, trong đó cân nhắc đưa vào một bảng hoặc sơ đồ minh họa mối quan hệ giữa các cơ sở dữ liệu thành phần để hỗ trợ các đơn vị triển khai | Giải trình: Theo quy định tại khoản 3 Điều 76 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định các nhóm thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước, do vậy, để thuận lợi cho việc tổ chức, quản lý, sử dụng dữ liệu, dự thảo thông tư đã tổ chức thành các cơ sở dữ liệu thành phần như tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Thông tư.  |
|  201 | Điều 5 | Điều 5 Cơ sở dữ liệu về nguồn nước, lưu vực sông: Đề xuất việc phân loại sông theo cấp (sông chính, cấp 1, cấp 2, cấp 3...) cần được giải thích rõ hơn để tránh nhầm lần khi áp dụng, có thể cân nhắc bổ sung định nghĩa hoặc tiêu chí cụ thể để phân loại sông theo cấp (ví dụ: dựa trên lưu lượng, chiều dài, hay tầm quan trọng kinh tế). Đồng thời, đề nghị làm rõ cách xử lý dữ liệu đối với các nguồn nước nhỏ (như kênh, mương) không thuộc lưu vực sông lớn, vì đây thường là nguồn dữ liệu khó thu thập. | Tiếp thu ý kiến góp ý , đã cập nhật dự thảo Thông tư |
| 202  | Điều 8 | Điều 8 Cơ sở dữ liệu về quan trắc tài nguyên nước: Quy định về quan trắc đã nêu rõ các thông số cần thu thập (lưu lượng, mực nước, chất lượng nước). Tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể về tần suất quan trắc và cách xử lỹ dữ liệu bị thiếu hoặc không đạt chuẩn. Do vậy, đề suất bổ sung quy định về tần suất quan trắc tối thiểu cho từng loại thông số (ví dụ: hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng) để đảm bảo tính liên tục của dữ liệu; đồng thời cần có hướng dẫn về cách xử lý dữ liệu quan trắc bị thiếu hoặc không đạt chất lượng (ví dụ: sử dụng phương pháp nội suy hoặc dữ liệu thay thế). | Tiếp thu ý kiến góp ý , đã cập nhật dự thảo Thông tư. Dự thảo Thông tư đưa ra các chuẩn dữ liệu để đảm bảo cho các hệ thống khi xây dựng phải tuân thủ. Do vậy, việc xử lý các dữ liệu quan trắc bị thiếu hoặc không đạt chất lượng sẽ được xem xét trong các quy định kỹ thuật về quan trắc tài nguyên nước, dự báo cảnh báo nguồn nước và không thuộc phạm vi của Thông tư này |
| 203 | Điều 10 | Điều 10 Định dạng trong trao đổi, chia sẻ dữ liệu: Các chuẩn định dạng (Shapefile, GML, GeoJSON, XML, JSON,...) đã được liệt kê đầy đủ, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, cần làm rõ hơn về ưu tiên sử dụng định dạng nào trong các tình huống cụ thể để tránh lạm dụng nhiều định dạng gây khó khăn trong tích hợp. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật, bổ sung dự thảo Thông tư |
| 204  | Điều 11 | Điều 11 Yêu cầu đối với hạ tầng kỹ thuật: Yêu cầu về an toàn, bảo mật và khả năng kết nối là phù hợp, nhưng chưa đề cập đến khả năng mở rộng (scalability) của hệ thống khi lượng dữ liệu tăng lên. Đề xuất cân nhắc bổ sung yêu cầu về khả năng mở rộng hệ thống (ví dụ: sử dụng công nghệ đám mây hoặc cơ chế lưu trữ phân tán) để đáp ứng khối lượng dữ liệu lớn trong tương lai. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật, bổ sung dự thảo Thông tư |
|  205 | Điều 15 | Điều 15 Quy định về cập nhật dữ liệu: Đề xuất bổ sung quy định rõ thời giai định kỳ cập nhật cho từng loại dữ liệu, ví dụ dữ liệu quan trắc cập nhật theo giờ/ngày, dữ liệu quy hoạch tài nguyên nước cập nhật theo kỳ ddieuf chỉnh...v.v. Đồng thời, cần bổ sung cơ chế giám sát và báo cáo khi xảy ra lỗi trong quá trình cập nhật, ví dụ có thể bổ sung quy định về việc gửi thông báo tự động đến quản trị viên khi phát hiện lỗi dữ liệu (ví dụ: dữ liệu không đúng định dạng, trùng lặp). | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật, bổ sung dự thảo Thông tư |
|  206 |   | Ngoài ra, dự thảo Thông tư đã có quy định về an toàn thông tin, nhưng chưa đề cập đến các biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố bảo mật. Do đó, đề xuât cân nhắc bổ sung quy trình xử lý sự cố an ninh mạng (ví dụ: thông báo trong vòng 24 giờ, khôi phục dữ liệu từ bản sao lưu); Quy định về việc mã hóa dữ liệu nhạy cảm (như dữ liệu về trữ lượng nước dưới đất) khi truyền tải qua mạng. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật, bổ sung dự thảo Thông tư |
|  207 |   |  Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học. | Không có ý kiến góp ý |   |
| 208  |     | Công ty Thủy điện Ialy   | Khoản 2 Điều 12 và Điều 15: các nội dung làm rõ trong dấu ngoặc đơn, ví dụ như hệ thống khác qua dịch vụ dữ liệu (webservice); giao thức liên mạng trên Internet IPVr6, giao dịch (transaction),… cần đưa nội dung làm rõ này đưa vào điều 3 giải thích từ ngữ cho phù hợp với nội dung của các Điều trong dự thảo Thông tư | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật, bổ sung dự thảo Thông tư |
|  209 | Tại Phụ lục 2Dữ liệu danh mục, bảng mã đối với mục đích khai thác, sử dụng với tên bảng dữ liệu DM\_MucDichSuDung đang quy định TĐ nên sửa lại là thủy điện vì tên trường dữ liệu phải là Tiếng Anh hoặc tiếng Việt không dấu | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa, cập nhật vào Phụ lục 2 dự thảo Thông tư |
|  210 | Tại phục lục 2Mục I.4. Chất lượng nước với tên bảng dữ liệu DM\_ChatLuongNuoc với các thông số như Độ cứng, Tổng Coliform, Chỉ số Permanganat, Coliform chịu nhiệt, chất hoạt động bề mặt,… Tổng Hydrocarbon gốc dầu (TPH) nên sử dụng tên tiếng Anh hoặc tiếng Việt không dấu để đặt tên trường dữ liệu | Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa, cập nhật vào Phụ lục 2 dự thảo Thông tư |
|  211 | 212 | Cục An Ninh Kinh Tế, Bộ Công An  | Tại phần căn cứ ban hành Thông tư, đề nghị nghiên cứu bổ sung Luật dữ liệu được Quốc hội Khóa XV thông qua ngày 30/11/2024. mặt khác, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về trách nhiệm của các tổ chức liên quan, hướng dẫn phương pháp thực hiện thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước | Tiếp thu ý kiến góp ý, tuy nhiên, phạm vi của dự thảo Thông tư chỉ quy định kỹ thuật đối với cấu trúc, chuẩn dữ liệu tài nguyên nước. Trách nhiệm của các tổ chức liên quan trong thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước đã được quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP |
|  212 |   | Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật liên quan, chịu trách nhiệm về nội dung Thông tư | Tiếp thu ý kiến góp ý, cập nhật vào dự thảo của Thông tư |